

GIA PHẢ HỌ NGÔ - \ NGÔ GIA PHỔ HỆ
(Tống Văn - Thái Bình)
Giáo thụ Quảng Oai phủ - Hàn lâm biên tu
PHAN ĐỨC MẬU

Người dịch: Châu Huyền - Tháng 3, 2019

Phủ Quảng Oai: Phủ Quảng Oai, ban đầu gồm 4 huyện: Phúc Thọ (nguyên là huyện Phúc Lộc, trấn Sơn Tây những năm 1802-1823, ngày nay gồm địa bàn: huyện Phúc Thọ, phần phía bắc thị xã Sơn Tây, xã Cam Thượng huyện Ba Vì), Bất Bạt (nay là một phần các huyện Ba Vì, Hà Nội và Kỳ Sơn, Hòa Bình), Minh Nghĩa (đến năm 1853 đổi là Tùng Thiện, nay là phần phía nam thị xã Sơn Tây và một phần huyện Ba Vì), Tiên Phong (thời Pháp thuộc đổi là huyện Quảng Oai, nay thuộc phía bắc Ba Vì, Hà Nội)

Giáo thụ: Quan trông coi, phụ trách việc giáo dục, học hành cấp phủ, huyện (nhỏ hơn cấp tỉnh). tiếng Anh: Prefecture Education Commissioner), trật Chánh thất phẩm văn giai (Quan văn)

Trang 1: đọc theo chiều dọc từ trên xuống, từ phải sang trái

LÂM	TỘC,	NHI,	HÓA,	DĨ	NGÔ	NGÔ
CHÂU	TRUYỀN	HẬU	VĂNG	CANH	GIA	GIA
MỤC	CHÍ	THỂ	TÔNG	NÔNG	TIỀN	PHỔ
kim Sơn Tây tỉnh, Phúc Thọ huyện	NGÔ	KỶ	CHI	SINH	TỔ	HỆ
SINH	TUỐNG	XƯƠNG	BẮC,	NGHIỆP.	NGUYÊN	
NGÔ	CÔNG,	KẾ	NHÂN	TỬ	QUÁN	
QUYỀN,	TỰ	VI	TUỐNG	NGÔ	ÁI	
VI	ĐÌNH	SĨ	CHI	NHẬT	CHÂU	
DƯƠNG	THẬT/ THỰC	VƯƠNG	VIẾT,	DỰ	Hậu cải THANH HÓA	
ĐÌNH	VI	LIÊU	THỬ	HẢO	TỰ	
NGHỆ	THỎ	TÁ.	TỬ	THƯ	TIỀN	
NHA	HÀO.	TỰ	MỤC	VĂN	ĐẠI	
TUỐNG,	TỬ	THỬ	TÚ	SĨ	THỦY	
TRU	ĐÌNH	DĨ	BÔI	VƯƠNG,	TỔ	
LOẠN	MÂN	VĂNG,	HẬU,	DĨ	NGÔ	
X	VI	THỂ	ĐÌNH	VĂN	NHẬT	
KIỀU	ĐƯỜNG	VI	PHÚC	TỰ	ĐẠI,	
		QUÝ	CHI	KHỎI		

Dịch nghĩa - Trang 1: Tổ tiên họ Ngô nguyên quán Ái Châu, nay là tỉnh Thanh Hóa. Từ đời ông tổ Ngô Nhật Đại sinh sống bằng nghề nông.

Con trai Ngô Nhật Dự tính hiếu học, nghe Sĩ Vương, lấy việc đọc sách để bắt đầu thay đổi. (*Sĩ Vương: Sĩ Nhiếp, 137 - 226, là một người Việt gốc Hán trong giai đoạn 187 - 226 Sau công nguyên, đã thực hiện xuất sắc công việc quản lý vùng đất thuộc nước Việt cổ. Ông đã thực thi nhiều chính sách tiến bộ nên được hậu thế tôn làm Nam Giao học tổ, các sử quan đời sau còn gọi ông là Sĩ Vương*). Sau rời lên phía Bắc, làm phụ tá giúp việc (liêu tá) cho quan đô hộ phủ thời Bắc thuộc

Con trai Ngô Đình Phúc, về nhân tướng mắt đẹp lưng dày, tướng mạo ngời ngời, người đời sau khen là khôi ngô tuấn tú, tiếp tục làm liêu tá. Từ đời Ngô Đình Phúc trở đi, gia thế được coi là quý tộc.

Truyền đến đời Ngô tướng công, tự Ngô Đình Thật/ Đình Thực, là thổ hào/ hào trưởng ở địa phương.

Con trai Ngô Đình Thật là Ngô Đình Mân làm châu mục Đường Lâm, sinh **Ngô Quyền**.

Đường Lâm thuộc Sơn Tây tỉnh, Phúc Thọ huyện: (nay là huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây. Địa danh hành chính tính theo thời điểm viết trang gia phả này)

Ngô Quyền là nha tướng của Dương Đình Nghệ, giết loạn đảng Kiều Công Tiễn, sau đó trở thành **Ngô Vương**.

(4 chữ cuối trang 1 chưa nhìn rõ vì mất nửa chữ, theo cháu phán đoán là: “TRU LOAN X KIỀU CÔNG TIỄN”). “X” chưa thể xác định được

Chú thích:

Đại thủy tổ (Ông tổ): Ngô Nhật Đại

Con trai: Ngô Nhật Dụ/ Dư (**Dụ**: nghĩa là giàu có, dư giả)

Con trai: Ngô Đình Phúc

Đời tiếp theo: Con trai Ngô Tướng Công, tự Đình Thật

Đời tiếp theo: Con trai Đình Mân làm chức châu mục Đường Lâm, sinh Ngô Quyền

Đời tiếp theo: Ngô Quyền

Liêu tá: giúp việc cho quan

Thổ hào/ Hào trưởng: địa chủ, có quyền thế ở địa phương

Dịch trang 2:

TỬ	VY	UY	XƯƠNG	XƯƠNG	VƯƠNG	CÔNG
NGÔ	ĐỒ	NGÔ	SẮC,	XÝ*	NGÔ	TIỀN,
LIÊU,	CỨ	VĂN	NGÔ	NGÔ	XƯƠNG	TIỀN
NGÔ	ĐỘNG	VĨNH	XƯƠNG	XƯƠNG	NGẬP,	VI
LIÊU	BÀNG	KHẮC	SẮC	XÝ	THỨ	VƯƠNG,
SINH	LỊCH	TỰ	SINH	XUNG	TỬ	BẠI
NGÔ	TAM	QUYẾT	NGÔ	VI	NAM	NAM
MA*	THẾ,	CHỨC,	TỬ	SÚ	TẤN	HÁN
LU'/ Lô,	CHÍ	CHÍ	*Ấn/Yến/An,	QUÂN	VƯƠNG	BINH
MA	NGÔ	TRẦN	VI	CỨ	NGÔ	Ư
LƯ	ĐẤU	QUÝ	LÝ	BÌNH	XƯƠNG	BẠCH
SINH	LĂNG	THẾ	TRIỀU	KIỀU,	VĂN.	ĐẰNG
NGÔ	THẬM	NHI	CHÂU	SÚ	THIÊN	GIANG.
RÔ.	BÀN.	HẬU,	MỤC,	QUÂN	SÁCH	VƯƠNG
NGÔ	CÔNG	MÔN	TÔN	SINH	VƯƠNG	SINH
RÔ	SINH	HỘ	NGÔ	NGÔ	SINH	THIÊN
	NAM	TRUNG	TỬ		NGÔ	SÁCH

DỊCH TRANG 2: Ngô vương đánh bại quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng. Ngô Vương sinh Thiên Sách Vương Ngô Xương Ngập, con thứ Nam Tấn Vương Ngô Xương Văn.

Thiên Sách Vương sinh con trai trưởng Ngô Xương Xý. Ngô Xương Xý xưng là sứ quân, đóng ở Bình Kiều (nay thuộc Triệu Sơn, Thanh Hóa).

Sứ quân Ngô Xương Xý sinh con trai Ngô Xương Sác

Ngô Xương Sác sinh con trai Ngô Tử Yến (Tên khác tham khảo: Ngô Tử Ấn/ Ngô Tử An), làm chức châu mục thời nhà Lý.

Cháu trai là Ngô Tử Uy, Ngô Văn Vĩnh. Giai đoạn này cho đến sau đời Trần là giai đoạn khó khăn cả về việc có con cháu nối dõi (“khắc tự”) cũng như việc công danh (“quyết chức”).

Trải qua 3 đời ở Động Bàn (nay là huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa) trong cảnh rất nghèo khó đến tận đời Ngô Đẩu Lăng.

Ngô Đẩu Lăng sinh con trai Ngô Liêu

Ngô Liêu sinh con trai Ngô Ma Lư

Ngô Ma Lư sinh con trai Ngô Rô.

Ngô Rô lấy vợ là Trần Thị Hưu, sinh ra con trai Ngô Tây.

Chú thích:

“Xý” (tính từ) trong từ Ngô Xương Xý: lửa cháy hùng hực (Bộ hỏa), còn có nghĩa là cường thịnh, mạnh mẽ.

“Yến/ Ấn/ An” (tính từ): trôi trong, không mây (yên nhật), cùng nghĩa với từ “yên/an” : bình yên vô sự

(trong từ “thanh yên”) >>> có tài liệu ghi là Ngô Tử An, theo người dịch nên là Ngô Tử Yên/ Ngô Tử

Án thì sát nghĩa gốc hơn

***Ngô Ma Lư/ Ngô Ma Lô:** Từ “Ma” là cây đay, cây gai

Bình Kiều: nay thuộc Triệu Sơn, Thanh Hóa

***Động Bàng:** nay là *Đồng Phang, xã Định Hoà, Yên Định, Thanh Hoá*

Dịch trang 3:

KHIẾP	Tuyền hiệu Long Tuyền,	CANH	Ư	NHÂN.	THÂN	THỨ
Ý,	HỮU	VÂN	TỰ	TƯ	KỶ	TRẦN
DI	LONG	TẠI	TẢ	KỶ	THÊ	THỊ
CHÚC	NGAI	PHA	BÀNG,	TIỀN	TRẦN	HUU
HẬU	NHẤT	THẠCH	CHÍ	MỄ	THỊ	SINH
NHẬT	TỌA	XỨ,	ĐÁN	DĨ	DĨ	NGÔ
TẮT	HOÀNG	KHẾ	NGHỊ	HÀNH	NGŨ	TÂY,
TÁNG	TẢN	Ư	BỒI	TÁNG	NGUYỆT	XUẤT
Ư	HÀ	CAO	THÀNH	SỰ.	NHỊ	VI
THỬ,	KỶ	PHỤ	PHẦN,	THỜI	THẬP	XÃ
CHÍ	THƯỢNG,	DONG	NGÔ	THIÊN	THẤT	TỰ
BÍNH	NHẬT	THỌ	RÔ	DĨ	NHẬT	TĂNG
TÍ	NHẬT	HẠ,	ĐỘC	MỘ,	MỆNH	NI.
NIÊN	LÂM	PHỦ	THỬ	TẠM	CHUNG.	THÁC
TAM	NGOẠN,	KIỆN	THỬ	DI	PHU	DĨ
NGUYỆT	THẠM	TUYÊN	TỰ	CỬU	CÁO	TƯ
NHỊ	VI	TRUNG	THƯỜNG		Ư	
THẬP					XÃ	
BÁT						
NHẬT						
MỆNH						

DỊCH TRANG 3: Ngô Rô lấy vợ là Trần Thị Hưu, sinh ra con trai Ngô Tây.

Trần Thị xuất gia làm tăng ni ở ngôi chùa trong xã (*Chú thích: “xã” vốn là đền thờ Thổ địa, nhưng do xuất gia làm tăng ni, lại có thêm chữ “tự”: Ngôi chùa”, nên ở đây có thể hiểu là bà Trần Thị Hưu xuất gia đi tu.*).

Bà Trần Thị Hưu mất ngày 27 tháng 5.

Ông Ngô Rô cáo phó với người làng và chuẩn bị gạo, tiền lo việc ma chay, chôn cất. Khi đó, trời đã muộn nên tạm thời di linh cữu sang bên trái, đợi sáng sớm hôm sau đắp thành mộ phần.

Ông Ngô Rô thường một mình ra làm đất, dọn cỏ ở khu mộ phần, và nghỉ ngơi dưới bóng cây si ở gò đất ấy. Ông nhìn xuống dòng suối (gọi là suối Long Tuyền) thấy có 1 gò đất có thể rồng châu, có tán mây sắc vàng phía trên, nên ngày nào cũng tới ngắm, thấy vô cùng ưng ý, nên di nguyện lại cho con cháu sẽ mai táng ông ở đây. Đến ngày 28 tháng 3 năm Bính Tý, ông Ngô Rô qua đời. ./.

Trang 4:

SỬ	KIM	HỮU	ĐÁN	LẠC	NHÂN	CHUNG
ĐẠI	CÔ	TRỊNH	NHẬT	CÙNG	MAI	TỬ
KỶ	HÀN	CÔNG	VÔNG	TRUNG,	TÁNG,	NGÔ
TỘC,	DĨ	GIẢ,	THẨM,	THÓT	QUÁ	TÂY
NÃI	THẤT	DẠ	DĨ	NHIÊN	Ư	ĐON
THỈNH	THẾ,	MỘNG	KIỆN	PHONG	PHA	ÁU.
MỆNH	TIỀN	BÁCH	NGHỊ	VỮ	THẠCH	THỜI
CỐC	KÝ	THẦN	BÔI	HỎI	CAO	BỒN
THẦN	DƯ	HỘI	THÀNH	MINH,	PHỤ	ĐẠO
ĐẦU	DĨ	NGHỊ	PHỤ.	DUNG	KHAI	NHÂN
THAI,	PHÚC	VIẾT.	NGÔ	TƯƠNG NHÂN	CÙNG	AI
TRỊNH	ĐỊA	THƯỢNG	TÂY	KHÍ	KHÁNH	KỶ
CÔNG	KIM	ĐẾ	PHỤC	NHI	Như ngư tằm chi dạng, tại long tuyến thượng	HIỀN
GIÁC	NGHI	VỊ	LƯU	QUY,	DUNG	HÀNH,
KỶ	TRẠCH	NGÔ	THỦ	NGÔ	NHÂN	TỬ
KỶ	TRUNG	THỊ	TỰ	TÂY	TRẬT	CẤP
SỬ	HIỀN	HIỀN	TAM	DIỆC	TÚC,	TIỀN
TOẠI	GIẢ	HẬU	NIÊN.	TÔNG	CỬU	MỄ,
	VI	NHI	XÃ	CHI		DUNG
	TỰ,		NHÂN			

Dịch trang 4: Con trai là Ngô Tây từ đó một mình mồ côi. Mọi người thương cảm cho người hiền lành, góp gạo tiền để thuê người mai táng cho cụ Ngô Rô. Khi đi qua gò đất, đoàn đưa táng bị trượt chân, linh cữu bị rơi xuống, bỗng trời nổi cơn mưa gió mù mịt, đoàn người bỏ chạy về hết. Ngày sau đó, Ngô Tây vẫn tiếp tục và thấy đắp thành gò mộ. Ngô Tây hành lễ và thủ tang 3 năm.

Có ông Trịnh Công trong xã, đêm nằm mơ được các thần báo mộng rằng: “Thượng đế phán rằng, nhà họ

Ngô hiền hậu nhưng cảnh nhà cô quả, nghèo khó, không có ai nương tựa đã 7 đời nay. Trước đã đến nơi đất lành này. Nay thích hợp chọn người trung hiền để làm người nối dõi, làm dòng tộc phát triển. Bèn sai **Cốc thần** đầu thai.”

(Chú thích: “**Cốc**”: ngũ cốc. “**Cốc thần**”: Thần trông coi dạy dỗ việc trồng trọt, ngũ cốc, lương thực. Đây là vị thần rất quan trọng trong tâm linh của xã hội nông nghiệp trước đây. Giống như “**Thần Xã: Thần đất**”, “**Thần Tắc: thần lúa**”. Nên ngày xưa các Vua hay đến lễ “**Đàn xã tắc**” trong 1 năm cầu mưa thuận gió hòa, mùa mang tốt tươi. Địa danh “Xã Đàn” ở Hà Nội chính là nơi đặt “Đàn Xã tắc” của kinh thành Thăng Long xưa.)

Trịnh Công biết đây là việc thần kỳ bèn gả con gái Trịnh Thị Kim làm vợ Ngô Tây, sinh con trai Ngô Kinh.

Trang 5:

TÌNH	KINH	CHỮ	KHOÁNG,	TÚ	BÀN	DĨ
HÀNH	THÚ	KIẾN	THÊ	LỆ,	BẮT	NỮ
LOẠI	LÊ	KỶ	TRỊNH	HÒA	TRI	TRỊNH
PHỤ,	THỊ	CẦN	THỊ	CỐC	Y	THỊ
HỮU	MƯỜI	MẮN	THƯƠNG	SAO	BẠC.	KIM
VĂN	SINH	CHÍNH	AI	PHONG,	VĂN	THÊ
TIỀN	NGÔ	TRỰC	KỶ	DỊCH	XÃ	NGÔ
NHÂN	TỪ	THỊ	CƠ	Ư	NHÂN	TÂY
NGHỊ	NGÔ	NHƯ	HÀN,	NHẬT	LÊ	SINH
BỒI	ĐỨC	THỦ	ÁI	DỤNG.	ĐỨC	NGÔ
THÀNH	NGÔ	TÚC,	CẤP	NGÔ	NGÔN	KINH,
MỘ,	KHIÊM	HẬU	CHI	KINH	LƯƠNG	KINH
DỮ	NGÔ	GIA	GIAO	NÃI	GIANG	THƯỢNG
GIA	ĐAM.	BỒI	CANH	VĂNG	HUYỆN	ÁU,
QUYẾN	LÊ	THỰC	VÂN	THỦ	KHẢ	NHI
ÁI,	KHOÁNG	DĨ	CÁC	SÁCH,	LAM	PHỤ
NÃI	KIẾN	THÀNH	QUYỀN,	THỜI	SÁCH*,	MẪU
SỬ	TỪ* (tức là Ngô Từ)	THẤT	LÊ	HỮU	SƠN	CÂU
		GIA.		LÊ	KHÊ	MỘT
		NGÔ				CÔ

Dịch trang 5: Ngô Kinh còn nhỏ, cha mẹ đều đã mất, một mình nghèo khó chưa biết nương tựa vào đâu. Nghe người làng Lê Đức nói huyện Lương Giang có cảnh sắc núi non tươi đẹp, mùa màng tươi tốt, lúa gạo ngũ cốc đầy đủ cho cuộc sống hàng ngày.

Ngô Kinh bèn đến vùng núi Lương Giang. Lúc đó có Lê Khoáng, vợ là Trịnh Thị Thương, vì thương Ngô Kinh nghèo khổ đã giao quyền quản việc canh tác.

Lê Khoáng thấy Ngô Kinh cần mẫn, chính trực, cảm thấy yêu mến, coi như anh em, sau đó bồi dưỡng trở thành gia thất.

Ngô Kinh lấy Lê Thị Mười, sinh được 4 con trai là Ngô Từ, Ngô Đức, Ngô Khiêm, Ngô Đàm.

Lê Khoáng thấy Ngô Từ tính tình giống cha mình là Ngô Kinh, lại nhớ đến câu chuyện người xưa kể về sự tích “kiến bồi thành mộ” (ở đây chỉ lời phán của Thượng Đế, sai Cốc Thần đầu thai làm con cháu họ Ngô), lại càng thêm yêu quý Từ

Chú thích: Huyện Lương Giang là tên gọi thời Lý Trần, nay là huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

“**Khả Lam Sách**”: còn chỉ núi xanh, ở đây có thể hiểu là Lam Sơn, Thanh Hóa. 1 cách gọi khác theo phân cấp hành chính thời đó thì Huyện Lương Giang có lộ Khả Lam và sách Khả Lam (tức Khả Lam Sách)

Trang 6:

CHỦ	THẦN	TỊCH	DỤC	THÁI	SINH.	QUÝ
GIA.	PHỤ	CHỦ	HÙNG	TỔ	NGÔ	TỬ
THÁI	DƯ	CÔNG	BINH	DƯ	TỪ	LÊ
TỔ	THẦN	ĐẠI	ĐIỀU	TỪ	THÚ	THÁI
ÚY	CHỦ	ĐỨC,	PHẠT,	MUÙ	ĐÌNH	TỔ*
CHI	ĐỆ	HỮU	NHỈ	VIẾT:	LỄ*	DƯỠNG
VIẾT:	LUU	THỦ	Ý	MINH	Đô Kỳ nhân, vi khai quốc nguyên công	CHI,
BINH	THỦ	SINH	HÀ	NHÂN	CHI	CẬP
LƯƠNG	GIA	THÀNH,	NHU?	XÂM	NỮ	TRANG,
NHỊ	BỔN,	BÁT	TỪ	NGÃ	ĐÌNH	ỦY
SỰ,	THẦN	KHẢ	ĐỐI	CƯƠNG THÔ* (thỏ là chữ nhỏ bên phải)	THỊ	CHI
KHAI	THỈNH	NHẤT	VIẾT:	TÀN	NGỌC	CHỈNH
QUỐC	TÙY	NHẬT	DUY	HẠI	KẾ	TÊ
CẬP	GIÁ	LY	MỆNH	SINH	VI	THỨ
NHU,	VI	TẢ	THỊ	DÂN,	THÊ	VỤ
NHỈ	TIÊN	HỮU.	TÔNG.	KIM	ĐÌNH	NHƯ
PHỤ	PHONG	KIM	THẦN	HỮU	DẬU	ĐỒNG
TỬ	DỄ	NHUỘC	PHỤ	KIẾN	NIÊN,	SỞ
NGHI	BÁO	KHỎI	TỬ	BỨC,		
		NGHĨA,	THÂM	NGÃ		

Dịch trang 6: Lê Khoáng sai con út của mình là Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi) nhận Ngô Từ làm con nuôi và cho nhập họ Lê, ủy thác cho Lê Lợi dạy dỗ, giao cho Từ nhiều công việc, đối xử như con ruột của mình vậy.

Ngô Từ lấy con gái của Đinh Lễ là Đinh Thị Ngọc Kế làm vợ vào năm Đinh Dậu.

Lê Thái Tổ bàn mưu với Ngô Từ rằng: Giặc Minh xâm phạm nước ta, sát hại dân lành, nay lại còn áp bức. Ta muốn hưng binh điều phạt, ý của người thế nào?

Ngô Từ trả lời rằng: bề tôi xin tuân lệnh!

Cha con thân nhận ơn sâu đức cả của chúa công, giống như được ơn sinh thành vậy, không thể rời xa nửa bước. Nay nếu khởi nghĩa, thì cha và các em thân sẽ trấn thủ căn cứ Lam Sơn, thân xin được theo giá làm tiên phong, hòng báo công ơn của chúa công.

Lê Thái Tổ ủy lạo Ngô Từ rằng: việc binh lương đều là việc hệ trọng, rất cần thiết cho việc khai quốc, cha con người sẽ trấn thủ căn cứ gốc Lam Sơn.

Ghi chú:

Lê Thái Tổ: tức Lê Lợi (Lê Lợi là con út của Lê Khoáng), lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn đánh bại quân xâm lược nhà Minh. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, đặt quốc hiệu là Đại Việt, lấy Đông Kinh làm thủ đô (Đông Kinh: Hà Nội ngày nay)

Đinh Lễ: người Đô Kỳ, là khai quốc công thần của nhà hậu Lê. Đinh Lễ là cháu gọi Lê Lợi bằng cậu. Ông tham gia nghĩa quân Lam Sơn dưới sự chỉ huy của Lê Lợi ngay từ buổi ban đầu, lập nhiều chiến thắng, tiêu biểu là trận Tốt Động - Chúc Động

Trang 7:

GIẢ,	PHỤC	SÁCH,	ĐỂ	THỂ	CHIẾN	LUU
HỨA	NGHI,	NGÔ	TỶ	TU	GIAN	THỦ
NGÔ	DĨ	TỪ	NHẬP	NGÔN	DU	CĂN
KINH	THỦ	XUẤT	CHÍ	KỶ	NHẤT	BẢN
NGÔ	NĂNG	KỶ	LINH	VÔ	DĨ	TRANG
TỪ	THỦ	BINH	SƠN	HỐT.	PHÓ	THÁI
PHÂN	CĂN	YÊU	TRUNG	MẬU	KHANH,	NHÂN
PHÓ,	BẢN,	TIỆT,	THAO	TUẤT	CỔ	TÀI
NHẤT	HÓA	SỰ	LUYỆN	ĐỂ	NHÂN	DĨ
GIAI	TÀI	ĐỊNH	BINH	KHỎI	DĨ	VI
NHƯ	SƠN	TẮC	MÃ,	BINH	THỦ	QUỐC
MỆNH,	TÍCH,	GIẢ	MINH	BẠI	BỒN	GIA
QUÝ	THỜI	VI	NHÂN	TÍCH,	CHI	ĐẠI
DẬU	ĐỂ	LÂM	HOẶC	LÊ	CÔNG,	DỤNG,
NIÊN,	HOẶC	NỘI	LAI	LAI	BẮT	THẢ
ĐỂ	DĨ	THẦN	XÂM	DỊCH	HẠ	ĐIỀU
HỒI	TÀI	DÂN,	NHIỀU	BÀO	BÌNH	BINH
LAM SƠN	VẬT	MINH	LAM	DĨ	NHUNG	HƯỚNG
UY	ĐÃI	NHÂN		ĐẠI.	CHI	NGOẠI
LÃO	SỈ	BẮT			TÍCH,	
	TỐT				NHỈ	

Dịch Trang 7:

Lê Thái Tổ dặn Ngô Từ rằng: cha con người trấn thủ căn cứ Lam Sơn, thu nạp nhân tài vật lực để dùng cho việc quốc gia đại sự, vừa điều binh lương cho nghĩa quân, lại vừa trông giữ căn cứ không để địch gian dòm ngó, ta giao phó việc này cho người. Người xưa vẫn nói tới công giữ nước giữ thành, nhưng không nói tới công tích lũy binh mã, người cần hiểu cách làm như thế và không được sao nhãng.

Năm Mậu Tuất (1418), Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa, có trận thua phải chạy trốn, Lê Lai mặc áo bào giả làm Lê Lợi để giúp Lê Thái Tổ giải vây trốn thoát.

Nghĩa quân sau đó rút về núi Chí Linh, thao luyện binh mã.

Quân nhà Minh có khi đem quân tấn công căn cứ Lam Sơn, Ngô Từ khi thì đem quân chặn đánh, khi thì nghi binh giả làm người dân trong núi, nhờ đó bảo vệ được Lam Sơn, đồng thời tích lũy của cải, chiêu mộ quân sĩ, để Lê Lợi có thể khao thưởng binh sĩ. Ngô Kinh cùng Ngô Từ tuân lệnh Lê Lợi trấn thủ hậu cứ Lam Sơn. Năm **Quý Dậu**, Lê Thái Tổ trở lại Lam Sơn, ban thưởng công lao của cha con Ngô Kinh, Ngô Từ

(Ghi chú: Trong bản gia phả này, cụ Phan Đức Mậu ghi năm *Quý Dậu*, nhưng theo tài liệu lịch sử và một số tư liệu khác thì năm 1423 khi Lê Lợi về Lam Sơn là năm *Quý Mão*.)

TRANG 8:

TẠI	LAM	NÔ,	CẤP	VIẾT:	NIÊN,	KỶ
TIÊU	Ỡ	TRẦM	HƯỚNG	KHANH	ĐỂ	CÔNG,
HÀ	PHỤ	XUỐNG	CHI	ĐẰNG	KÍ	THÍCH
THỦ	TỬ	NGHĨA	CÔNG,	TÔNG	ĐẠI	NGÔ
QUAN	THỦ	CHI	TRẦM	TRẦM	ĐỊNH	KINH
TRUNG,	KỶ	CÔNG,	VI	THỈ	THIÊN	VI
CẤP	NGUYÊN	TỪ	KHOỈ	THẠCH	HẠ,	KIỆN
BỒ	BẢN,	TIÊN	BINH	CHI	PHONG	TƯỜNG
BÁT	DỄ	VI	THẦN,	GIAN,	CÔNG	HÀU,
TUYỆT,	BỊ	TRẦM	NGÔ	THỦ	THẦN	TỬ
VI	CHUYỂN	QUYẾT	KINH	TÚC	LÊ	NGÔ
ĐỆ	VẬN,	MUỖ,	VI	LƯƠNG	VẢN,	TỪ
NHẤT	TÍCH	TRẦM	TIÊN	THỰC	PHẠM	VI
CÔNG,	HÁN	DƯ	KHẢO	GIA,	VẢN	BÀNG
KIM	CAO	KHANH	NÔ,	DỄ	XẢO	KHÊ
TỪ	ĐẮC	ĐẰNG	NGÔ	HỮU	ĐẰNG,	HÀU,
TUY	THIÊN	KINH	TỪ	NGÔ	ĐỂ	MẬU
VI	HẠ,	LƯỢC	VI	KINH	DỰ	THÂN
THƯỜNG	QUY	THIÊN	TRẦM	PHỤ	CHƯ	
		HẠ,	GIA	TỬ	TƯỜNG	

DỊCH TRANG 8:

Năm 1423, Lê Lợi trở lại Lam Sơn, ban thưởng công lao, phong Ngô Kinh là Kiến Tường hầu, Ngô Từ là Bàng Khê hầu.

Năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi bình định thiên hạ, phong thưởng cho các công thần như Lê Văn, Phạm Văn Xảo...

Vua Lê Thái Tổ chỉ dụ các khanh tướng rằng: Các khanh theo trầm từ thuở ban đầu (*“thi thạch chi gian”*: ý chỉ Hội thề Lũng Nhai, các tướng đồng tâm phò tá Lê Lợi dấy binh khởi nghĩa), được cung cấp đầy đủ quân lương (quân sĩ và lương thực), đó là công lao của cha con Ngô Kinh, Ngô Từ.

Khi Trầm còn chưa khởi nghĩa, Ngô Kinh đã là gia nô của tiên khảo (Lê Khoáng - cha của Lê Lợi), Ngô Từ

là gia nô của Trầm. Khi mới dấy binh khởi nghĩa, Từ là quân sư đầu tiên của Trầm. Trong khi Trầm cùng các khanh mưu lược thiên hạ, căn cứ Lam Sơn đều dựa vào cha con Ngô Từ trấn thủ, lại thêm quân lương đều cung cấp vận chuyển đầy đủ.

Xưa Hán Cao tổ (Lưu Bang) giành được thiên hạ thì công đầu được tính cho Tiêu Hà giữ đất Quan Trung, không ngừng cung cấp bổ sung lương thảo cho quân Hán, được coi là đệ nhất công thần.

TRANG 9

ĐỒ	TỔ	CAO	TIỀN	THÁI	BÌNH	TÔNG
TOÁT	TỶ	THỦY	TỔ	BẢO,	NHUNG	CHINH
ĐẠI	CHÍNH	TỔ	CHI	TỰ	CHI	PHẠT
LÃO	QUÂN	ĐẠI	TÀI	TÍNH	TÍCH,	NHIÊN
KHANH	CHỦ	TOÁT	BÔI,	LÊ,	ỪNG	CỨ
QUAN	KIÊM	ĐẠI	HẬU	Lê công thần giai tứ quốc tính, Thánh Tông thời chiêu phục nguyên tính*	THẮNG	LŨNG
NGÔ	BẢO	LÃO	NHÂN	TỰ	ĐỆ	NHAI
TÂY	TỪ	KHANH	CHI	THỬ	NHẤT	THỜI,
THỤY	CUNG	QUAN	BẰNG	THIÊN	CÔNG,	TIỆT
NHƯ	TRẦN	NGÔ	TỊCH,	ÂN	ĐỊNH	PHÁ
HIỀN	THỊ	RÔ	THẾ	ƯU	PHONG	MINH
	HIỆU	THỤY	THỨ	ỐC	NGÔ	BINH,
	TỪ	PHÚC	HUÂN	MÔN	KINH	KÍ
	HÀNH	LÃO	NGHIỆP	HỘ	VI	HỮU
	Sinh nam tử Ngô Tây	Bính Tí niên tam nguyệt nhị thập bát nhật chung	LUỘC	SINH	THÁI	THỦ
	Ngũ nguyệt nhị thập thất nhật chung		TRẦN	QUANG,	PHÓ,	BỒN
			Ư		NGÔ	CHI
			TẢ		TỪ	CÔNG,
					VI	HỰU
						HỮU

Dịch Trang 9: Nay Ngô Từ tuy không cùng trực tiếp tham gia đánh trận hay không có mặt ở Lũng Nhai* , nhưng vẫn có công đánh giặc nhà Minh, có công giữ gìn căn cứ, lại có công tích lũy binh mã, đáng được thăng đệ nhất công thần".

Vua Lê Thái Tổ sắc phong Ngô Kinh là Thái phó, phong Ngô Từ làm Thái bảo, được ban quốc tính (Tức họ vua: Lê), từ đây nhận nhiều ơn trên mưa móc, rạng danh dòng họ, công ơn đời trước trồng cây, tới đời sau đã được hái quả ngọt, các đời tiếp theo được an vui hưởng phúc từ công lớn của tổ tiên.

(Ông đã mất): Cao Thủy tổ Đại toát đại lão khanh quan Ngô Rô, thụy Phúc Lão. Mất ngày 28 tháng 3 năm Bính Tí

(Bà đã mất) Cao Tỷ chính quân chủ kiêm Bảo Từ cung Trần Thị, hiệu Từ Hành, sinh con trai Ngô Tây. Mất ngày 27 tháng 5

Đô Toát đại lão khanh quan Ngô Tây, thụy: Như Hiên

Chú thích: Trong các chức danh thời phong kiến có Tam công: Nhất là Thái sư, nhì là Thái phó, ba là Thái bảo

*“Lê công thần giai tứ quốc tính, Thánh Tông thời chiêu phục nguyên tính”: Công thần nhà Lê đều được ban cho họ vua (Lê), đến thời Lê Thánh Tông thì trở lại họ gốc.

***Lũng Nhai:** Hội thề Lũng Nhai năm Bính Thân 1416. Lê Lợi cùng với 18 người đã làm lễ tế cáo trời đất, kết nghĩa anh em, nguyện hợp sức đánh đuổi ách thống trị của nhà Minh. Hội thề là khởi đầu hình thành bộ chỉ huy và lực lượng của khởi nghĩa Lam Sơn năm 1418.

***Thụy hiệu:** tên đặt sau khi chết, dùng để khấn vái khi cúng tế.

TRANG 10

THỤY	BÌNH		TỶ		BẢO	TỶ
BÀNG	NGÔ		Á	Sơ thụ Du Khê thượng sĩ, Thánh Tông thời tứ thử thụ	CHÍNH	TRỊNH
KHÊ	KHAI		QUẬN		CÔNG	THỊ
THƯỢNG	QUỐC		PHU		THẦN	HÚY
SĨ	ĐỆ		NHÂN	Kỵ tại thất nguyệt nhị thập ngũ nhật	KIỆN	KIM
Kỵ tam nguyệt sơ bát nhật	NHẤT		LÊ		TUÔNG	HIỆU
	CÔNG		THỊ		HẦU	TỪ
	THẦN		HÚY		PHONG	ĐỨC
	THÁI		MUỖI		THÁI	
	BẢO		HIỆU		PHÓ*	
					Chính nhất phẩm	
	CHƯƠNG		THẮNG	Cấp tự điền tại Lương Giang huyện, Ngọc Khê trấn, Man Đoạt sách, Chu thôn tam bách mẫu	HÙNG	
	KHÁNH				QUỐC	
	CÔNG		THIỆN		CÔNG	Sinh nam tử Ngô Kinh
	NGÔ	Con trai:			NGÔ	
	TỪ	Ngô Từ			KINH	
		Ngô Đức				
		Ngô Khiêm				
	PHONG	Ngô Đàm		THỤY		
	DIÊN			TRUNG		
	Ý			HIỀN		
	DỰ		Kỵ tại tứ nguyệt sơ lục nhật		THƯỢNG	
	VƯƠNG,				SĨ	
	TỬ					

Dịch Trang 10:

Tỷ: Trịnh thị, húy Kim, hiệu: Từ Đức, Sinh con trai là Ngô Kinh

Ngô Kinh: Bảo chứng công thần Kiến Tường hầu, phong Thái phó (Chính nhất phẩm*), Hưng quốc công
Ngô Kinh, thụy: Trung Hiền Thượng Sĩ. Ban đầu thụy là Du Khê thượng sĩ, đến thời Lê Thánh Tông được
ban cho tên thụy là Trung Hiền Thượng Sĩ. Giỗ ngày 25 tháng 7. Cấp cho 300 mẫu đất để cúng tế tại thôn
Chu, sách Man Đoạt, trấn Ngọc Khê, huyện Lương Giang (nay là huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa).

Tỷ: Á quận phu nhân Lê thị, húy Mười, hiệu Thảng Thiện. Kỵ (giỗ) ngày 6 tháng 4. Sinh các con trai: Ngô
Từ; Ngô Đức; Ngô Khiêm; Ngô Đàm

Ngô Từ: Bình Ngô khai quốc đệ nhất công thần, Thái Bảo (Chính nhất phẩm), Chương Khánh Công Ngô
Từ, được phong là Diên Ý Dụ Vương, ban cho thụy là Bàng Khê Thượng Sĩ. Kỵ ngày 8 tháng 3.

Chú thích:

Diên Ý Dụ Vương: “**Diên Ý**” là kéo dài những điều tốt đẹp. **Dụ** là giàu có, dư giả. Một âm khác là **Duyên**
Ý Dụ Vương (Duyên đồng nghĩa với Diên là kéo dài)

Chính nhất phẩm là quan chế cao nhất bên Văn giai (quan Văn), được ban cho Tam công (Thái sư, Thái
phó, Thái bảo) hay Thừa tướng. (Các chức quan quen thuộc trong lịch sử như thượng thư 6 bộ: Bộ Hộ, bộ
Lại, bộ Hình, bộ Công, bộ Binh, bộ Lễ thường chỉ được phong Tòng nhị phẩm).

Một mẫu là 10 sào (Đơn vị diện tích)

Kỵ: ngày giỗ

TRANG 11

					CHÍNH	Ý
TRƯỜNG	NGỌC	NGÔ	VƯƠNG	VƯƠNG	QUẬN	QUỐC
TỬ	PHÚC	LAN	NAM	HỮU	PHU	THÁI
NGÔ	NGÔ	NGÔ	TỬ	ĐỆ	NHÂN	PHU
VIỆT	THỊ	KÝ	NỮ	TAM	PHONG	NHÂN
TẶNG	NGỌC	NGÔ	TỬ	NHÂN	DUNG	KIÊM
PHONG	LIÊU	HỮU	KỈ	NGÔ	HUỆ	BẢO
CHIÊU	NGÔ	NGÔ	THẬP	ĐỨC	MINH	TỪ
NGHĨA	THỊ	NHẬN	CỬU	NGÔ	MẦN	CUNG
HẦU,	NGỌC	NGÔ	KHẨU	KHIÊM	HOÀNG	ĐÌNH
DƯ	ĐỨC	NẠP,	NHÂN,	NGÔ	KIÊN	THỊ
BẮT	NGÔ	Nam thập nhất nhân	NGÔ	ĐAM	BÀ	NGỌC
KỈ	THỊ	NGÔ	VIỆT	PHỔ	ĐÌNH	KẾ
	NGỌC	THỊ	NGÔ	CHÍ	THỊ	HIỆU
	ĐIỆP	NGỌC	LỘC	BẮT	NGỌC	DIỆU
	NGÔ	XUÂN*/ THUNG	NGÔ	KÍ	SON	THIỆN
	THỊ	NGÔ	HỒNG		HIỆU	Kỵ thất nguyệt thập tam nhật
	NGỌC	THỊ	NGÔ		TỬ	
	HẠ	NGỌC	LƯƠNG		NHAN*	
	NGÔ	DAO	NGÔ			
	THỊ	NGÔ	HỘ			
	NGỌC	THỊ	NGÔ			
	VĨ		KHẾ			
	Nữ bát nhân					

Dịch Trang 11:

Ý Quốc thái phu nhân - Bảo Từ cung Đình Thị Ngọc Kế, hiệu Diệu Thiện. Kỵ ngày 13 tháng 7

Chính Quận phu nhân, Đình Thị Ngọc Son, được phong là Dung Huệ Minh Mẫn Hoàng Kiền Bà, hiệu Từ Nhan.

Gia phả không ghi chép thêm về 3 người em trai của Dụ Vương Ngô Từ là Ngô Đức, Ngô Khiêm, Ngô Đam. Dụ Vương Ngô Từ con cháu đầy nhà, có tất cả 19 người con, trong đó có 11 con trai là Ngô Việt, Ngô Lộc, Ngô Hồng, Ngô Lương, Ngô Hộ, Ngô Khế, Ngô Lan, Ngô Ký, Ngô Hựu, Ngô Nhận, Ngô Nạp.

8 người con gái là: Ngô Thị Ngọc Xuân (âm khác là Ngọc Thung), Ngô Thị Ngọc Dao, Ngô Thị Ngọc Phúc, Ngô Thị Ngọc Liêu, Ngô Thị Ngọc Đức, Ngô Thị Ngọc Điệp, Ngô Thị Ngọc Hạ, Ngô Thị Ngọc Vĩ.

Con trai trưởng Ngô Việt được phong tước Chiêu Nghĩa Hầu. Việc khác không ghi chép gì thêm.

Ghi chú:

“Kiền” trong từ Hoàng Kiền Bà: tức là “kiền tín” nghĩa là thành tâm

*Hiệu Từ Nhan của bà Đinh Thị Ngọc Sơn, hiện có một số tài liệu ghi là Từ Nhân (theo bản gia phả này ký tự là Từ Nhan)

*Bà Ngô Thị Ngọc Xuân/ Ngô Thị Ngọc Thung: bản dịch ưu tiên từ Ngọc Xuân hơn (“xuân” trong từ “xuân thọ”)

TRANG 12:

SINH	NGÔ	NGÔ	NGÔ	NGÔ	NGÔ	NGÔ
NGÔ	LAN	KHẾ	HỘ	LƯƠNG	HỒNG*	LỘC
TÍN	CHINH	PHONG	PHONG	TẶNG	TÔNG	SINH
PHONG	CHIÊM	THANH	DỤC	PHONG	THÁNH	NGÔ
NGHĨA	THÀNH	QUỐC	ĐỐI	QUẬN	TÔNG*	TUYÊN
LỘC	HỮU	CÔNG,	HẦU,	CÔNG	CHINH	CỨ
VƯƠNG,	CÔNG,	SỰ	SINH	SINH	CHIÊM	MẪU
NGHĨA	PHONG	TƯỜNG	NGÔ	NGÔ	THÀNH	QUÁN
LỘC	HÁN	PHỔ	HOÀN,	TRƯỜNG,	HỮU	HƯƠNG
VƯƠNG	QUẬN	KÝ	HẬU	TRƯỜNG	CÔNG,	SƠN
SINH	CÔNG,		TỶ	CỨ	VINH	HUYỆN
DỤC	CÔNG		CU	MẪU	PHONG	Nghệ An tỉnh, Đức Quang phủ*
THÁNH	SINH		BIỆT	QUÁN	THAM	PHỤNG
THÁI	NGÔ		XÃ	NÔNG	ĐỐC	CÔNG
PHI	TÔNG,		Dư bất ký	CÔNG	THẦN	XÃ
NGÔ	PHONG			HUYỆN	VŨ	ĐÔ
THỊ	DIỄN			THANH HÓA	TỨ	THÔN,
NGỌC	NGHĨA			NGHĨA	VỆ	DƯ
HOÀN*	VƯƠNG,			TRAI	QUÂN	BẮT
	VƯƠNG			XÃ	VỤ	KÝ
				Dư bất ký	Điện Bàn Hầu	

DỊCH TRANG 12:

Ngô Lộc sinh Ngô Tuyên, ở quê là thôn Đô xã Phụng Công, huyện Hương Sơn, phủ Đức Quang, tỉnh Nghệ An (nay là khu vực huyện Hương Sơn, Vũ Quang và Hương Khê, phía tây bắc tỉnh Hà Tĩnh). Việc khác không ghi chép gì thêm.

Ngô Hồng theo vua Lê Thánh Tông đánh giặc Chiêm Thành, lập công, được sắc phong tước Điện Bàn Hầu, giữ chức Tham Đốc Thần Vũ Tứ vệ quân vụ.

Ngô Lương được phong tước Quận công, sinh con trai Ngô Trường. Ngô Trường ở quê là xã Nghĩa Trai, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Việc khác không ghi chép gì thêm.

Ngô Hộ được phong tước Dục Đối Hầu, sinh Ngô Hoàn, sau rời đi ở nơi khác. Việc khác không ghi chép gì thêm

Ngô Khế được phong tước Thanh Quốc công, được ghi chép rõ trong phổ ký.

Ngô Lan tham gia chinh phạt Chiêm Thành có công lao, được sắc phong tước Hán Quận công. Ngô Lan sinh con trai Ngô Tông được phong làm Diễn Nghĩa vương. Diễn Nghĩa vương sinh Ngô Tín được phong làm Nghĩa Lộc vương. Nghĩa Lộc vương sinh ra con gái là Dục Thánh Thái Phi Ngô Thị Ngọc Hoàn*.

Ghi chú:

Thánh Tông*: vua Lê Thánh Tông

Ngô Hồng*: Hồng có nghĩa là con nước lớn, đại hồng thủy (hiện có một số tài liệu dịch là Ngô Ung)

*Theo như bản gia phả, Dục Thánh Thái Phi tên là Ngô Thị Ngọc Hoàn (một số tài liệu ghi là Ngô Thị Ngọc Lâm.)

*Phủ Đức Quang là một trong 8 phủ của Nghệ An xưa, Đức Quang là tên một phủ nằm ở hữu ngạn và hạ lưu sông Lam, thuộc Nghệ An từ thời nhà Lê tới đầu thời kỳ nhà Nguyễn

Huyện Hương Sơn, Đức Quang phủ, Nghệ An tỉnh: nay là huyện Hương Sơn, Vũ Quang và Hương Khê, phía tây bắc tỉnh Hà Tĩnh

TRANG 13

NGÔ	NGÔ	NHỊ	NGÔ	NGÔ	VƯƠNG	PHỐI
NẠP	NHẠN	THẬP	HỮU	KÝ	TỬ	BÌNH
PHONG	CHINH	BÁT	PHONG	PHONG	TÔN	AN
THỌ	CHIÊM	TÚ,	MỈ	TỂ	ĐA	VƯƠNG
QUẬN	THÀNH	DƯ	QUẬN	MỈ	QUÝ	TRỊNH
CÔNG,	HỮU	BÁT	CÔNG,	HẦU,		TÙNG*
TỶ	ĐẠI	KÝ.	THIÊN	DƯ		SINH
CƯ	CÔNG,		CƯ	BÁT		TRỊNH
QUỲNH	PHONG		NGOẠI	KÝ		THỊ
LƯU	THÁI		QUẢN			NGỌC
NHÂN	BẢO		SINH			ĐỀ/TRỊNH*
LÍ	HOA		NGÔ			NHẬP
THÔN,	QUỐC		THẨM,			THỊ
TỰ	CÔNG,		THẨM			KÍNH
ĐIỀN			VI			TÔNG*
DỮ			THÁNH			SINH
TỪ			TÔNG			THẦN
ĐƯỜNG			TAO			TÔNG*,
TẠI			ĐÀN			NGHĨA
						LỘC

DỊCH TRANG 13: Nghĩa Lộc vương sinh ra con gái là Dục Thánh Thái Phi Ngô Thị Ngọc Hoàn, gả cho Bình An vương Trịnh Tùng, sinh ra con gái là Trịnh Thị Ngọc Đề* (hay Trịnh Thị Ngọc Trinh), vào cung làm vợ của vua Lê Kính Tông, sinh ra vua Lê Thần Tông.

Nghĩa Lộc vương nhiều con cháu, đều thành đạt hiển hách.

Ngô Ký được phong tước Kế Mỹ Hầu, việc khác không ghi chép gì thêm.

Ngô Hựu được phong tước Mỹ quận công, rồi về ở quê ngoại, sinh Ngô Thẩm. Ngô Thẩm tham gia trong hội Tao Đàn nhị thập bát tú Lê Thánh Tông*, việc khác không ghi chép gì thêm.

Ngô Nhận đánh Chiêm Thành lập công lớn, được phong là Thái Bảo Hoa Quốc công (tức là phong tước Hoa quốc công, chức Thái Bảo, quan chánh nhất phẩm).

Ngô Nạp được phong tước Thọ Quận công, rồi về ở thôn Nhân Lý huyện Quỳnh Lưu, tự điền* và từ đường được lập tại đây.

Ghi chú:

*Trịnh Thị Ngọc Đề: tên ghi theo bản gia phả (nhiều tài liệu ghi bà Đoan Từ Hoàng Hậu là bà Trịnh Thị Ngọc Trinh - trích Đại Việt sử ký toàn thư). Bà là hoàng hậu họ Trịnh đầu tiên thời kỳ Lê Trung Hưng, bắt đầu cho thời kỳ kiểm soát nhà Lê của chúa Trịnh.

*Trịnh Tùng (1550 - 1623) thụy hiệu Thành Tổ Triết Vương, là vị chúa chính thức đầu tiên của họ Trịnh. Người mở đầu cho thời kỳ Vua Lê - chúa Trịnh.

*Ngô Hựu hay Ngô Hữu: bản dịch thiên về âm “Hựu”, cả “Hựu” và “Hữu” đều có nghĩa là được thần giúp.

*Tao Đàn nhị thập bát tú: hay còn gọi là Tao Đàn Lê Thánh Tông (Hội thơ tập hợp các nhà thơ nổi tiếng cuối thế kỷ 15 do vua Lê Thánh Tông sáng lập và làm chủ soái)

*Tự điền: ruộng cà cây để lấy hoa lợi dùng vào việc cúng tế trong làng.

TRANG 14

PHONG	NGÔ	LIỆT	NGÔ	NGÔ	NGÔ	YÊN,
BINH	THỊ	QUỐC	THỊ	THỊ	THỊ	DƯ
BỘ	NGỌC	CÔNG,	NGỌC	NGỌC	NGỌC	BẮT
THƯỢNG	ĐIỆP		PHÚC	DAO	XUÂN	KÝ
THƯ	PHU	NGÔ	PHU	NHẬP	NHẬP	
TUẦN	LÊ	THỊ	TRỊNH	THỊ	THỊ	
NGHĨA	NGỌC	NGỌC	KHẢ*	THÁI	THÁI	
HẦU	KIỆT	LIÊU,	VĨNH	TÔNG	TÔNG	
	TẠI	NGÔ	LỘC	VĂN	VĂN	
	NGHỆ	THỊ	HUYỆN	HOÀNG	HOÀNG	
	AN	NGỌC	KIM	ĐẾ,	ĐẾ,	
	TỈNH	ĐỨC	BÔI	SINH	PHONG	
	ĐỨC	BẮT	XÃ	THÁNH	HOA	
	QUANG	KÝ	PHONG	TÔNG*	DUNG	
	PHỦ		ĐÌNH		CÔNG	
	HƯƠNG		THƯỢNG		CHÚA	
	SƠN		HẦU			
	HUYỆN		THÁI			
	TRẠI		PHÓ			
	ĐẦU					
	XÃ					

DỊCH TRANG 14:

Ngô Nạp được phong tước Thọ Quận công, rồi về ở thôn Nhân Lý huyện Quỳnh Lưu, tự điền và từ đường được lập tại đây. Việc khác không ghi chép gì thêm.

Ngô Thị Ngọc Xuân vào cung làm vợ Vua Lê Thái Tông, được phong là Hoa Dung công chúa

Ngô Thị Ngọc Dao vào cung làm vợ Vua Lê Thái Tông, sinh ra vua Lê Thánh Tông.

Ngô Thị Ngọc Phúc có chồng là Trịnh Khả*, người xã Kim Bôi, huyện Vĩnh Lộc, được phong tước Đình Thượng Hầu, Thái Phó Liệt Quốc công (nay là Giang Đông, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa)

Ngô Thị Ngọc Liêu, Ngô Thị Ngọc Đức không có ghi chép.

Ngô Thị Ngọc Điệp có chồng là Lê Ngọc Kiệt được phong chức Binh bộ Thượng thư, tước Tuần Nghĩa Hầu, ở xã Trại Đầu, huyện Hương Sơn, phủ Đức Quang, tỉnh Nghệ An (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh)

GHI CHÚ:

***Thái Tông:** Vua Lê Thái Tông (1423 - 1442) - vị vua thứ 2 của triều Lê.

***Thánh Tông:** Vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497), là vị vua trị vì lâu nhất của triều Lê

***Trịnh Khả** (1403 - 1451): khai quốc công thần triều Lê, danh tướng họ Trịnh

TRANG 15:

TÔNG	VI	CHI	KẾ	DỰ	NGÔ	NGÔ
THẬP	TIỆP	HẬU	VỊ,	VƯƠNG	THỊ	THỊ
BÁT	DU*,	CUNG,	NIỆM	SỰ	NGỌC	NGỌC
TUẾ	CỨ	HẬU	NGÔ	THÁI	VĨ	HẠ
KẾ	KHÁNH	NGÔ	TỪ	TỔ	PHU	BÁT
VỊ,	PHƯƠNG	THỊ	HUÂN	TRUNG	LÊ	KÝ
TÔN	CUNG,	NGỌC	CỰU	TRINH	CHÍ	
MẪU	SINH	DAO	CHI	NHẤT	PHONG	
VI	THÁNH	TÙY	THẦN,	TIẾT,	BÌNH	
QUANG	TÔNG	TỶ	NÃI	CHÍ	GIANG	
THỰC	THUẦN	NGỌC	HẠNH	QUÝ	HÀU TẢ ĐÔ ĐỐC	
HOÀNG	HOÀNG	XUÂN	KỶ	SỬU	QUÁN	
HẬU*,	ĐẾ	NHẬP	ĐỆ,	NIÊN	TẠI	
GIA	Thánh mẫu tiên thị mộng Thượng đế, mệnh Hán Vũ đế giáng sinh,	THỊ.	KIỆN	ĐẾ	THUY	
PHONG	THÁNH	ĐẾ	NGÔ	BĂNG,	NGUYỄN	
NGÔ		DUYỆT	THỊ	THÁI	HUYỆN	
KINH		KỶ	NGỌC	TÔNG	DỤNG	
HUNG		DUNG	XUÂN	VĂN	TÚ	
		MẠO,	NẠP	HOÀNG	THÔN	
		SÁCH		ĐẾ		

DỊCH TRANG 15:

Ngô Thị Ngọc Hạ không có ghi chép.

Ngô Thị Ngọc Vĩ chồng là Lê Chí, được phong là tước Bình Giang Hầu, chức Tả đô đốc, quê ở thôn Dụng Tú, huyện Thụy Nguyên.

Dụ Vương (Ngô Từ) một lòng trung thành, phụng sự Lê Thái Tổ, cho tới năm Quý Sửu (1433), vua Lê Thái Tổ băng hà. Thái Tông Văn Hoàng Đế kế vị, nghĩ tới công thần kỳ cựu Ngô Từ, lại thêm yêu mến con gái

Ngô Thị Ngọc Xuân nên tuyển vào cung. Sau đó Ngô Thị Ngọc Dao cũng theo chị gái vào cung. Lê Thái Tông yêu thích dung mạo của Ngọc Dao, phong làm Tiệp dư* ở cung Khánh Phương, sinh ra Lê Thánh Tông Thuần Hoàng Đế (thụy hiệu của vua Lê Thánh Tông). (Thánh mẫu trước đó năm mơ thấy Thượng Đế sai Hán Vũ đế giáng sinh, sau đó sinh ra vua Lê Thánh Tông)

Vua Lê Thánh Tông kế vị năm 18 tuổi, tôn mẹ làm Quang Thục Hoàng Thái Hậu, lại gia phong cho Ngô Kinh là Hưng Quốc công.

GHI CHÚ:

***Quang Thục Hoàng hậu:** chỗ này nên là Quang Thục Hoàng Thái hậu (vì bà Ngọc Dao là mẹ vua Lê Thánh Tông, nên sau khi lên ngôi, vua phong cho mẹ là Thái hậu), bản gia phả đang ghi là Hoàng hậu.

***Tiệp dư:** một cấp bậc phi tần trong hậu cung thời phong kiến. Trong 9 bậc cung giai, Tiệp dư đứng hàng thứ 6, nên gọi là Lục giai Tiệp dư.

Trong hậu cung: đầu tiên là Tam phi, sau đó là Cửu tần, rồi mới tới Lục chức. Lục chức đứng đầu là Tiệp dư, sau đó tới các cấp bậc thấp hơn là Dung hoa, tuyên vinh, tài nhân, lương nhân, mỹ nhân.

Vào thời Hán (Trung Quốc), Tiệp dư là chức nữ quan, vị ngang với bậc Thượng khanh, tước ngang với Liệt hầu.

TRANG 16:

Y	NHẬT,	MẪU,	XÃ	VI	DẬU	QUỐC
XÃ,	NHÂN	DĨ	LỤC	QUỐC	NIÊN	CÔNG,
DĨ	CẤP	NGOẠI	BÁCH	THÁI	TAM	CẤP
TỰ	GIÁ	TỔ	MẪU,	PHU	NGUYỆT	TỰ
NGOẠI	ĐIỀN	QUÁN	TỊNH	NHÂN,	SƠ	ĐIỀN
TỔ,	VI	ĐỘNG BÀNG	VĨNH	CẤP	BÁT	TAM
HỨA	TỰ	CẤP	KHANG	ĐIỀN	NHẬT	BÁCH
Y	ĐIỀN,	VI	HỘI	TẠI	CÔNG	MẪU,
DÂN	THỦ	NGOẠI	NINH	ĐÔNG	TÁNG,	PHONG
PHỤNG	DÂN	TỔ	NHỊ	THÀNH	GIA	NGÔ
THỦ,	VI	TỈ	HUYỆN	Nghệ An	PHONG	TỪ
QUANG	TẠO	ĐÌNH	Nghệ An tỉnh, Trà Lân phủ	AN	ĐIỀN	CHƯƠNG
THUẬN	LÊ	THỊ	CHI	PHONG	Ý	KHÁNH
QUÝ	LÊ,	NGỌC	GIANG	Bắc Ninh	DỰ	CÔNG
MÙI	LẬP	KẾ	BIỂU	HUYỆN	VƯƠNG,	PHỤ
NIÊN,	THUẬN	HUỆ	TỨ	CHI	PHONG	QUỐC
ĐỂ	MẬU	LỘC,	BÁCH	AN	VƯƠNG	CHÍNH,
HỘI	ĐƯỜNG,	CHÍ		LẬP	PHI	QUÝ
	TẠI	HẬU		ĐÔNG	ĐÌNH	
		THỆ		LÂU	THỊ	
				ĐẰNG		

DỊCH TRANG 16:

Vua Lê Thánh Tông gia phong cho Ngô Kinh là Hưng Quốc công, cấp tự điền ba trăm mẫu.

Phong cho Ngô Từ là Chương Khánh công Phụ Quốc chính, mất ngày 8 tháng 3 năm Quý Dậu, gia phong làm Diên Ý Dự Vương. Phong Vương phi Đinh Thị Ngọc Kế là Quốc Thái phu nhân, cấp tự điền sáu trăm mẫu ở các xã An Lập và Đông Lâu, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An và huyện An Phong, tỉnh Bắc Ninh, cùng với đó là bốn trăm mẫu ở ven sông 2 huyện Vĩnh Khang, Hội Ninh, phủ Trà Lân, tỉnh Nghệ An*.

Vua Lê Thánh Tông lại ban thêm ơn lộc cho bà ngoại (ngoại tổ tỷ) Đinh Thị Ngọc Kế và con cháu đời sau đất ruộng ở quê ngoại Đồng Phang trở thành tự điền (để lo việc cúng tế), dân ở nơi đó trở thành sai nha giúp việc, lập Thuận Mậu Đường cho phép người dân thờ phụng từ đời ngoại tổ (Ông bà ngoại của Vua Lê Thánh Tông) tại xã đó.

Năm Quang Thuận - Quý Mùi, vua Lê Thánh Tông về Lam Kinh

GHI CHÚ:

**Phủ Trà Lân, tỉnh Nghệ An: miền núi Nghệ An, tương đương với huyện Con Cuông, Tương Dương ngày nay. Đây là nơi đã diễn ra 1 trận đánh nổi tiếng được viết trong Bình Ngô Đại cáo là “Trận Bò Đàng sấm vang chớp giạt. Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay”*

Tạo lệ: sai nha, sai dịch (người làm việc phục dịch bắt buộc ở cửa công thời phong kiến)

TRANG 17 :

BIỂU	TRẦM	TUỐNG,	CHINH	THUẦN	NHẬN	LAM
KHẮT	CHIÊM	NGÔ	CHIÊM	MẬU	VI	KINH,
HÀNG,	ĐẠI	NHẬN	THÀNH,	ĐƯỜNG,	HIỆU	THĂNG
NGÔ	TUỐNG,	HỘ	ỦY	KIỆN	ĐIỂM	LỖI
NHẬN	TẶC	GIÁ,	NGÔ	PHÚC	KIỂM,	GIANG,
DẪN	GIAI	TÂN	KHẾ	QUANG	HỒNG	YẾT
HÀNG	KINH	MÃO	LUU	ĐIỆN,	ĐỨC	THUẦN
TẶC	TÁN,	NIÊN,	THỦ	Hậu nhân tức thử, tự Hoàng thái hậu	CANH	MẬU
TRÀ	ĐỂ	TUỐNG	KINH	THÁI	DÀN	ĐƯỜNG,
TOÀN	CHÍ	QUÂN	SU,	HẬU	NGUYÊN	DĨ
Chiêm chủ	THÁI	LÊ	NGÔ	CANH	NIÊN	THÂN
CHÍ,	CÀN,	NIỆM,	LAN	Y	NHỊ	CỬU
DỤ	THIÊN	NGÔ	VI	ĐIỆN	NGUYỆT,	NGÔ
HIẾN	QUA	HỒNG	CHỈ	DÃ,	ĐỂ	KHẾ,
KỶ	NHẤT	ĐẢNG	HUY,	THẬP	PHỤNG	NGÔ
KHÍ	HUY,	PHẢN	NGÔ	NHẤT	HOÀNG	LAN
GIỚI,	CHIÊM	KÍCH	HỒNG	NGUYỆT,	THÁI	NGÔ
ĐỂ	CHỦ		VI	ĐỂ	HẬU	
	PHỤNG				YẾT	

DỊCH TRANG 17:

Năm Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận, vua Lê Thánh Tông về Lam Kinh, vượt sông Mã (Lỗi Giang) về bãi yết Thuận Mậu Đường, phong các cậu ruột là Ngô Khế, Ngô Lan, Ngô Nhận là Hiệu kiểm điểm.

Tháng hai năm Canh Dần niên hiệu Hồng Đức thứ nhất (1470), Vua Lê Thánh Tông vâng lời đưa Hoàng Thái hậu bãi yết Thuận Mậu Đường, xây dựng Phúc Quang Điện (người đời sau thờ phụng Hoàng Thái hậu ở Phúc Quang Điện), là nơi nghỉ ngơi, thay xiêm y của Hoàng Thái hậu mỗi khi về thăm quê.

Vua Lê Thánh Tông đi đánh giặc Chiêm Thành, giao cho Ngô Khế trấn thủ kinh thành, phong Ngô Lan là chỉ huy, Ngô Hồng là tướng quân, Ngô Nhận hộ giá.

Năm Tân Mão, các tướng quân Lê Niệm, Ngô Hồng, v.v. tấn công dừng mãnh, chém được đại tướng của quân Chiêm, quân Chiêm Thành kinh sợ tháo chạy. Lê Thánh Tông đến cửa biển Thái Càn*, vừa vung giáo lên, vua Chiêm đã đầu hàng. Ngô Nhận dẫn kẻ địch đã đầu hàng Trà Toàn (vua Chiêm) đến, tuyên ý chỉ vua Lê Thánh Tông khiến quân Chiêm dâng nộp vũ khí.

GHI CHÚ:

*Lỗi Giang: Sông Mã ngày nay

*Hiệu điền kiểm: chức quan, thường làm ở Hàn lâm viện, trật từ chánh tứ phẩm trở xuống (Hàn lâm viện hiệu kiểm). Về ban võ, có chức Đô hiệu kiểm, tòng nhị phẩm.

* Thái Càn: cửa biển Thái Càn (Xưa) hay cửa biển Sa Càn là một trong năm cửa biển của Quảng Ngãi, nằm ở phía đông bắc huyện Bình Sơn, nơi sông Trà Bồng đổ ra biển. Cửa biển này nằm ngay bên cạnh Vũng Quýt - nay là Dung Quất - Quảng Ngãi

TRANG 18:

QUỐC	ĐẠI	HIỆP	VĨNH	LỤC	HÁN	KHAI
PHỤ	PHU,	MUÙ	LÃNG*	NGẠN	QUỐC	HOÀN,
QUỐC	KHAI	THUẦN	XÃ	MỈ	CÔNG,	THƯỜNG
THANH	PHỦ	TÍN	NHẤT	LƯƠNG	NGÔ	CHƯ
QUỐC	THAM	TÁ	BÁCH	Hà Nội	NHẠN	CÔNG
CÔNG,	DỰ	LÍ	MẪU,	BẮT	THÁI	THẦN,
NGÔ	TRIỀU	ĐỒNG	HỒNG	BẠT	BẢO	VINH
KHẾ	CHÍNH	ĐỨC	ĐỨC	Sơn Tây	HOA	PHONG
TỨ	BÌNH	HOÀNG	TỨ	ĐẰNG	QUỐC	NGÔ
THỤY	CHƯƠNG	TÔNG	NIÊN,	HUYỆN,	CÔNG,	KHẾ
SÙNG	QUÂN	CÔNG	ĐẾ	KỶ	NGÔ	THANH
NGHỊ	QUỐC	THẦN	YẾT	TẠI	HỒNG	QUỐC
PHỦ	TRỌNG	ĐẶC	THUẦN	ĐIỀN	ĐIỆN	CÔNG,
QUÂN	SỰ	TIẾN	MẬU	LỤC	BÀN	Quan tước kiến hậu
Ký tại thập nguyệt sơ lục nhật	TƯ	KIM	ĐUỜNG	BÁCH	HẦU,	NGÔ
	ĐỒ	TỬ		DƯ	CÁC	LAN
	THƯỢNG	VINH		MẪU,	TỨ	THÁI
	TRỤ	LỘC		TẠI	ĐIỀN	BẢO
					TẠI	

DỊCH TRANG 18:

Vua Lê Thánh Tông chiến thắng trở về, ban thưởng cho các công thần. Ban cho Ngô Khế tước Thanh Quốc Công (quan tước ghi ở phần sau), Ngô Lan tước Thái Bảo Hán Quốc công, Ngô Nhạn tước Thái Bảo Hoa Quốc công, Ngô Hồng tước Điện Bàn hầu, phong thưởng hơn sáu trăm mẫu tại các huyện Lục Ngạn (Bắc Giang), Mĩ Lương (Hà Nội), Bất Bạt (Sơn Tây), một trăm mẫu tại xã Vĩnh Lãng*.

Năm Hồng Đức thứ tư, Vua Lê Thánh Tông bãi yết Thuần Mậu Đường

Ngô Khế (1426-1514): Hiệp mưu Thuần tín Tá lý Đồng đức hoàng tôn công thần Đặc tiến Khai phủ Kim tử Vinh lộc đại phu*, Cố mệnh đại thần, được mở phủ và tham dự việc triều chính, bình chương quân quốc trọng sự Tư đồ thượng trụ quốc, Phụ quốc Thanh Quốc công. Ngô Khế được ban thụy là Sùng Nghị Phủ quân.

Ngô Khế: giỗ ngày sáu tháng mười.

GHI CHÚ:

*Đặc tiến Khai phủ Kim tử Vinh lộc đại phu: dành cho quan văn, giữ phẩm hàm Chánh Nhất phẩm. Đây là hàm quan được đặt ra từ thời Lê Thánh Tông (có ấn vàng đai tím trong quan phục).

*Bản gia phả ghi là xã Vĩnh Lãng: người dịch nghĩ ở đây có thể là Vĩnh Lãng (Có thể khảo cứu thêm về các

địa danh liên quan tới dòng họ. Ở đây người dịch thiên về địa danh Vĩnh Lăng, vì mối quan hệ mật thiết giữa cụ Ngô Tì và Lê Thái Tổ, dòng họ Ngô được ban quốc tính)

** Huyện Mĩ Lương: nay thuộc Chương Mỹ, Hà Nội*

TRANG 19:

QUỐC	TU	DIỄN	THÂM,	KỶ	THANH	QUỐC
CHÍNH,	CÔNG	NGÔ	NỘI	CỔ	QUỐC	THÁI
CHỈ	húy Oanh	KHẾ	DỤNG	MỆNH,	CÔNG	PHU
HỒNG	TỨC	ĐĂNG	GIAN	CHỈ	LỊCH	NHÂN
THUẬN	VỊ,	TÁC	THẦN,	UY	SỰ	VŨ
CANH	THỊ	HỊCH	NGOẠI	MỤC	THÁNH	THỊ
NGO	VI	CÁO	THÍCH	ĐỂ	TÔNG	NGOC
NIÊN	TƯƠNG	DỰ	CAN	ĐOAN	Tam thập bát niên	HOÀN
THẬP	DỤC	THẦN	CHÍNH,	KHÁNH	HIỂN	HIỆU
NGUYỆT	ĐỂ,	DÂN,	THIÊN	KỶ	TÔNG	ÔN
SƠ	CAI	TAO	HẠ	TỶ	Cảnh Thống ki thất niên	THỰC
LỤC	NGUYÊN	TRỪ	TƯƠNG	NGŨ	TÚC	Nhất hiệu Từ Trinh
NHẬT	HỒNG	GIAN	BIỂN,	NIÊN,	TÔNG	Kỵ tại cửu nguyệt thập tam nhật
CÔNG	THUẬN,	TÁC,	GIÂN	THẦN	Thái Trinh nhất niên	
TÁNG,	CÔNG	DỄ	TU	UY	DỄ	
TỬ	THẦN	THANH	CÔNG	MỤC	ĐẠI	
THUY	PHU	XÃ	NÃI	THẤT	THẦN	
SÙNG		TÁC,	SỬY	ĐẠO	THỤ	
		GIÂN	NGUYÊN	NHẬT		

DỊCH TRANG 19:

Quốc Thái phu nhân Vũ Thị Ngọc Hoàn hiệu Ôn Thực (nhất hiệu là Từ Trinh), giỗ ngày mười ba tháng chín. Thanh Quốc công phụng sự Lê Thánh Tông ba mươi tám năm, là đại thần chịu lệnh vua Lê Thánh Tông phò tá Hiến Tông (tính Cảnh Thống bảy năm), Túc Tông (niên hiệu Thái Trinh tính được một năm), cho đến năm Kỷ Tỵ - niên hiệu Đoan Khánh thứ năm đời vua Lê Uy Mục, vì Uy Mục ngày càng sa đọa, bên trong thì gian thần lũng đoạn, bên ngoài để ngoại tộc can thiệp việc triều chính, thiên hạ sắp có biến lớn.

Giản Tu công bèn cùng các vị Nguyễn Diễn, Ngô Khế ra bài hịch, bố cáo với thần dân Đại Việt để quét sạch gian tặc, ổn định đất nước. Giản Tu công (húy Oanh, tức Lê Oanh) lên ngôi vua, gọi là Tương Dục đế (vua Lê Tương Dục), đổi niên hiệu Hồng Thuận.

Thanh Quốc công Ngô Khế lại phò tá việc triều chính, cho đến ngày sáu tháng mười năm Canh Ngọ - niên hiệu Hồng Thuận, Thanh Quốc công mất, được ban thụy là Sùng Nghĩa.

GHI CHÚ:

***Giản Tu công:** tức Tương Dục đế (vị vua thứ 9 nhà Lê)

TRANG 20:

VI	BẢO	NGÔ	THẾ	CÔNG	LỖ	NGHĨA,
THỤY	DỰC	THẾ	THÁI,	SINH	ĐẰNG	CẤP
TƯỜNG	QUẬN	THÁI		NAM	XÃ,	ĐIỀN
HẦU,	CÔNG,	PHONG		TỬ	TỊNH	TẠI
CHỈ	CÔNG	TÒNG		KỈ	LƯƠNG	BẠCH
TÂN	SINH	KHÊ		NGŨ	GIANG	HẠC
MÙI	NGÔ	HẦU,		NHÂN,	HUYỆN	VIỆT
NIÊN	HIỆU	NGÔ		NGÔ	AN	YÊN
NHỊ	PHONG	PHÁC		KHẮC	XÁ	NHỊ
NGUYỆT,	VŨ	PHONG		CUNG	XÃ	HUYỆN
ĐẾ	QUẬN	NGHĨA		Sự kiến hậu	NGŨ	CHI
HÒI	CÔNG,	KHÊ		NGÔ	BÁCH	DUẬT
LAM	NGÔ	HẦU,		BÍNH	MẪU.	NHẬT,
KINH,	BÍNH	NGÔ		NGÔ		XA
THỤY	SỰ	THẾ		THẾ		LIỄN,
QUẬN	HỒNG	BANG		BANG		VÂN
CÔNG	THUẬN	VI		NGÔ		CẨM
	TRIỀU	THÁI		PHÁC		ĐÔNG
	BÁI			NGÔ		

DỊCH TRANG 20: Thanh Quốc công mất, được ban thụy là Sùng Nghĩa, được ban cho năm trăm mẫu ruộng tại các xã Duật Nhật, Xa Liễn, Vân Cẩm, Đông Lỗ của hai huyện Bạch Hạc, Việt Yên và xã An Xá, huyện Lương Giang.

Thanh Quốc công sinh được năm con trai, Ngô Khắc Cung (việc sẽ ghi sau), Ngô Bính, Ngô Thế Bang, Ngô Phác, Ngô Thế Thái.

Ngô Thế Thái được phong Tòng Khê hầu, Ngô Phác được phong Nghĩa Khê hầu, Ngô Thế Bang là Thái Bảo Dực Quận công.

Dực Quận công (Ngô Thế Bang) sinh Ngô Hiệu, được phong Vũ quận công.

Ngô Bính làm quan thời Hồng Thuận, được tôn là Thụy Tường Hầu (Thụy Quận công), cho đến tháng hai năm Tân Mùi, vua Lê Tương Dực về Lam Kinh, Thụy Quận công mất vào ngày hai mươi bảy tháng bảy, thọ sáu mươi tám.

TRANG 21:

ĐẠI	HIỆP	PHU	NGÔ	AN	PHU	TÁNG,
PHU	MUU	HOÀNG	THỊ	XÁ	NHÂN	THỜI
THAM	THUẦN	ĐÌNH	NGỌC	XÃ	LÊ	THẤT
DỰ	TÍN	ÁI	TUNG	TAM	THỊ	NGUYỆT
TRIỀU	TÁ	PHONG	PHU	BÁCH	NGỌC	NHỊ
CHÍNH	LÍ	VINH	TRỊNH	MẪU,	HOAN	THẬP
ĐỒNG	ĐỒNG	QUỐC	BÁ	THỤY QUẬN	HIỆU	THẤT
BÌNH	ĐỨC	CÔNG,	QUÁN	CÔNG	TỪ	NHẬT,
CHƯƠNG	HOÀNG		TẠI	SINH	ÂN	THỌ
CÔNG	TÔNG		VĨNH	NGÔ	Kỵ tại tam nguyệt nhị thập lục nhật	LỤC
QUỐC	CÔNG		LỘC	CHIẾU*/ CHIÊU		THẬP
TRỌNG	THẦN		HUYỆN	VI	CẤP	BÁT
SỰ	ĐẶC		BIỆN	ĐÔ	TỰ	TUẾ,
THƯỢNG	TIẾN		THƯỢNG	ĐỐC	ĐIỀN	TỨ
TRỤ	KHAI		HƯỜNG,	DIỄN	TẠI	THỤY
QUỐC	PHỦ		NGÔ	ĐỨC	LƯƠNG	TRUNG
NAM	KIM		THỊ	HẦU,	GIANG	NGHỊ,
QUẬN	TỬ		NGỌC	NỮ	HUYỆN	TỈ
CÔNG	VINH		PHỤC*/ PHÚC			QUẬN
	LỘC					

DỊCH TRANG 21:

Thụy Quận công mất vào ngày hai mươi bảy tháng bảy, thọ sáu mươi tám, được ban thụy Trung Nghị.

Vợ: Quận phu nhân Lê Thị Ngọc Hoan, hiệu là Từ Ân giỗ ngày hai mươi sáu tháng ba, được ban tự điền ba trăm mẫu tại xã An Xá, huyện Lương Giang.

Thụy Quận công sinh con trai Ngô Chiếu, được phong chức Đô đốc, tước Diễn Nghĩa hầu.

Con gái Ngô Thị Ngọc Tung lấy chồng là Trịnh Bá Quán tại làng Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc.

Con gái Ngô Thị Ngọc Phục* (hoặc Ngọc Phúc) lấy chồng là Hoàng Đình, được phong tước Vinh Quốc công.

Ngô Khắc Cung: Hiệp mưu Thuần tín Tá lý Đồng đức hoàng tôn công thần Đặc tiến Khai phủ Kim tử Vinh lộc đại phu*, tham dự triều chính, bình chương quân quốc trọng sự thượng trụ quốc, Nam Quận công Ngô Khắc Cung thụy Sùng Nghị phủ quân.

GHI CHÚ:

**Huyện Lương Giang: gọi là Lương Giang vì có sông Lương (một tên khác là sông Lường), tên gọi cũ của sông Chu*

**Đặc tiến Khai phủ Kim tử Vinh lộc đại phu: dành cho quan văn, giữ phẩm hàm Chánh Nhất phẩm. Đây là hàm quan được đặt ra từ thời Lê Thánh Tông (có ấn vàng đai tím trong quan phục).*

TRANG 22:

THAM					TỈ	NGÔ
ĐỐC* (Võ chánh nhị phẩm)	NGŨ	TÚ	THỤY	CÔNG	QUỐC	KHẮC
THẦN	THẬP	TỰ	QUẬN	TRUNG	THÁI	CUNG
VỖ	MẪU,	ĐIỀN	CÔNG	DŨNG	TRƯỞNG	THỤY
THÂN		TẠI	ĐẮC	TRÌ	CÔNG	SÙNG
QUÂN		KIM	DĨ	TRỌNG,	CHÚA	NGHỊ
DẬT		BẢNG	PHÁN	TRỤ	LÊ	PHỦ
KHÊ		THANH	CHÍ	THẠCH	THỊ	QUÂN,
HÀU		LIÊM	TRỪ	VƯƠNG	NGỌC	
NGÔ		NHỊ	MẠC,	TRIỀU,	PHIẾN	
TƯỚNG		HUYỆN	TRUNG	NỘI	HIỆU	
CÔNG		LẠC	HƯNG	PHÙ	BÀ	
HÚY		TRƯỜNG	CHI	THIẾU	DỊCH	
DIỆP		CHÂU	CÔNG,	CHỦ,	PHU	
THĂNG		CẦU	CÔNG	NGOẠI	NHÂN	
THỤ		CÁC	HUYNH	TÁN	Nam	
VỖ		XÃ	ĐỆ	BINH	Tử	
LƯỢC		ĐIỀN	THẬT	CỠ,	Ngô	
		TAM	VI	SỬ	Văn	
		BÁCH	XUỐNG	THÂN	Diệp	
			THỦY	ĐỆ		

DỊCH TRANG 22:

Nam Quận công Ngô Khắc Cung thụ Sùng Nghị phủ quân.

Vợ: Quốc Thái Trưởng công chúa Lê Thị Ngọc Phiến, hiệu Bà Dịch phu nhân. Con trai: Ngô Văn Diệp.

Nam Quận công Ngô Khắc Cung trung dũng, giữ quyền cao chức trọng, là trụ cột của triều đình, bên trong thì phù trợ vua trẻ, ngoài thì giúp việc binh cơ, cùng các em của mình giúp việc triều chính.

Thụy Quận công có công diệt trừ nhà Mạc, trung hưng nhà Lê, anh em đồng lòng giúp sức ngay từ thuở ban đầu, được ban tự điền ba trăm năm mươi mẫu tại các xã Lạc Trường, Châu Cầu ở hai huyện Kim Bảng, Thanh Liêm.

Ngô tướng công được ban tước Tham đốc* Thần Võ Thân Quân Dật Khê hầu, (húy Diệp: tức Ngô Văn Diệp) được truyền dạy võ lược, trấn thủ Đông Kinh (Thành Thăng Long - tức Hà Nội ngày nay)

GHI CHÚ: *Tham đốc: hàm quan võ chánh nhị phẩm

TRANG 23:

SỐ	NGUYỄN	MUU	HỮU	THIỆU	THÁT	LƯU
HẠI	LỤC	PHẢN,	NGUY	NHỊ	NIÊN	THỦ
Ư	NIÊN,	CÔNG	TRẦN	NIÊN,	Hồng Thuận Kỷ hội	ĐÔNG
KỶ	ĐẢNG	KHỦNG	CHÂN	PHÁ	THỤY	KINH
SỬU	DUNG	KỶ	QUYỀN	NGUY	QUẬN	Thăng Long thành
NIÊN,	TIẾM	HỮU	QUY	ĐẢNG	CÔNG	ĐẠI
Thời Lê vô niên hiệu kỷ lục tái	HIỆU,	BIẾN,	CHUÔNG	CÙ	PHÁ	PHÁ
BÔN	CÔNG	KHUYẾN	ÓC,	KHẮC	NGUY	TẶC
TANG	TƯ	ĐỂ	MẠC	XƯƠNG	BINH	ĐỒ
AI	PHÙ	CHU	ĐẢNG	Thiên Thi huyện, Nhân Võ xã	PHÙNG	THÂN
LAO,	ĐỂ	CHÂN,	DUNG	THĂNG	CHUÔNG	DUY
DỮ	THÁT,	ĐẢNG	KẾT	THÁI	Ư	NHẠC
TỔNG	ĐỘC	DUNG	VI	SƯ	TAM	ĐẢNG
SƠN	ĐAO	DĨ	HÔN	ĐÔ	ĐẢO	CẨM
NGUYỄN	NAN	THỊ	NHÂN,	TƯỚNG	SƠN,	TỔNG
	CHI	OÁN	ÂM	CHỨC,	CHIÊU	HỘI
	KHỦNG	CÔNG,	ĐỒ	THỜI	TÔNG	KINH,
	BỈ	THỐNG			QUANG	

DỊCH TRANG 23:

Ngô tướng công (tức Ngô Văn Diệp) trấn thủ Đông Kinh (nay là Hà Nội), đại phá quân giặc Thân Dục Nhạc và bắt giải về kinh.

Năm Kỷ Hợi - niên hiệu Hồng Thuận thứ bảy, Quận công phá tan giặc Phùng Chương ở vùng núi Tam Đảo. Năm Quang Thiệu thứ hai đời vua Lê Chiêu Tông, đánh tan giặc Cù Khắc Xương ở xã Nhân Võ, huyện Thiên Thi*, được thăng chức Thái sư Đô tướng

Thời đó có ngụy thần Trần Chân chiếm quyền trong tay, Mạc Đăng Dung gả con để kết thân với Trần Chân, âm mưu tạo phản. Ngô tướng công lo sẽ sinh biến, tấu khuyên Lê Chiêu Tông nên diệt Trần Chân. Mạc Đăng Dung vì thế đem lòng oán hận Ngô Văn Diệp.

Năm Thống Nguyên thứ sáu, Mạc Đăng Dung giết vua tiếm quyền, lập nên nhà Mạc.

Ngô tướng công lại lo phò tá hoàng thất nhà Lê, nhưng thân cô thế mỏng khó lòng chống lại, bị hại vào năm Kỷ Sửu, phải chạy trốn sang hoạt động tại Lào, cùng với Nguyễn Triệu Tổ - tức Nguyễn Kim người Tống Sơn (Thanh Hóa) bàn tính việc dựng tông thất nhà Lê lên ngôi, để trung hưng đất nước.

Nhà Lê trải qua 6 năm không niên hiệu, không nắm quyền làm chủ đất nước (*Thời điểm từ 1527 tới 1533, cho tới khi vua Lê Trang Tông lên ngôi, lấy niên hiệu Nguyên Hòa. Đây là thời kỳ của nhà Mạc với 2 vị vua Mạc Thái Tổ và Mạc Thái Tông*)

GHI CHÚ:

* Mạc Đăng Dung: tức **Mạc Thái Tổ** (1483 - 1541) là nhà chính trị, người cướp ngôi nhà Hậu Lê, sáng lập ra ngụy triều Mạc. Nhà Mạc muốn loại bỏ ảnh hưởng của những người ủng hộ nhà Lê, cứng rắn chống lại với những thế lực phò vua Lê ở Thanh Hóa

* Thông Nguyên: niên hiệu thời vua Lê Cung Hoàng (1507-1527), vị vua thứ 11 nhà Hậu Lê, Lê Cung Hoàng được Mạc Đăng Dung đưa lên ngôi, lấy niên hiệu là Thông Nguyên. Lê Cung Hoàng thực tế là bù nhìn dưới sự khống chế của Mạc Đăng Dung, không có quyền hạn, về sau ông bị Mạc Đăng Dung giết chết. Cùng lúc, phong trào cần vương hưởng ứng Lê Chiêu Tông, vì thế, lúc đó Đại Việt tồn tại hai vị vua được gọi theo niên hiệu, là Thông Nguyên Đế và Quang Thiệu Đế

*Huyện Thiên Thi: nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

*Tống Sơn: nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

TRANG 24:

NIỆM	VƯƠNG	NGUYỄN	PHÙ	BỊ	TAM	TRIỆU
TÍCH	TIỀN	HÒA,	CHIÊU	LÊ	THẬP	TỔ*
NHẬT,	THẢO	NGUYỄN	TÔNG	Ý	NHẬT,	Húy Đồ
MẠC	CÁC	HÒA	THIỆU	Thụy quận công chi sanh*	MẠC	ÂM
CÔNG	XỨ,	THẤT	TỬ	BẠI	TẶC	CẦU
ĐỘNG	NGHĨA	NIÊN,	NINH	CHI	NGHI	LÊ
BÀNG,	THANH	Kỷ hội	TỨC	Ư	CÔNG	HẬU
HÔI	ĐẠI	CÔNG	VỊ	ĐỘNG	HÔI	LẬP
KHÁN	CHẤN,	PHẦN	Ư	PHANG,	QUÁN	CHI,
HƯƠNG	TIỀN	MẠC	AI	QUÝ	CHIÊU	DĨ
QUÁN	CÔNG	TẶC,	LAO,	TỶ	BINH,	ĐỒ
NHU	LÔI	PHỤNG	THỊ	NIÊN,	NÃI	TRUNG
HÀ,	DƯƠNG,	MỆNH	VI	CÔNG	TIỀN	HUNG,
NGẪU	MẠC	THỤ	TRANG	DỮ	BINH	CANH
TAO	BINH	TUỐNG	TÔNG,	NGUYỄN	VI	DẦN
BỆNH,	ĐẠI	ÁN	KIẾN	TRIỆU	NÃ	NIÊN
CÔNG	BẠI,	DỮ	HIỆU	TỔ	BÁT	BÁT
	CÔNG	MINH			HOẠCH,	NGUYỆT
		KHANG				

DỊCH TRANG 24: Ngô Văn Diệp cùng với Nguyễn Kim người Tống Sơn (Thanh Hóa) bàn tính việc trung hưng nhà Lê (sử gọi đây là giai đoạn Lê Trung Hưng).

Ngày ba mươi tháng tám năm Canh Dần, Mạc Đăng Dung nghi Ngô tướng công Ngô Văn Diệp về quê chiêu binh mãi mã, bèn tiến quân để vây bắt nhưng không thành, bị Lê Ý - cháu ngoại Thụy Quận công đánh bại ở Động Bàng (nay là Đồng Phang, Động Hòa, Yên Định, Thanh Hóa).

Năm Quý Tỵ, Ngô Văn Diệp và Nguyễn Kim lập con trai của Lê Chiêu Tông là Lê Ninh lên ngôi tại Lào (tức Lê Trang Tông), lấy niên hiệu là Nguyên Hòa.

Năm Kỷ Hợi niên hiệu Nguyên Hòa thứ bảy, Ngô Văn Diệp tức giận với nghịch thần Mạc Đăng Dung, tuân lệnh vua Lê Trang Tông, nhận ấn tướng, cùng với Minh Khang vương tiến binh thảo phạt các xứ, thanh thế

nghĩa quân vang dội (ở đây chỉ nghĩa quân cần vương), tấn công Lôi Dương, quân nhà Mạc đại bại, Ngô tướng công lại nhớ tới chuyện ngày xưa Mạc Đăng Dung tấn công Đông Bàng, lại nhớ về quê cũ và bỗng nhiên mắc bệnh.

GHI CHÚ:

***Nguyễn Triệu Tổ:** *Triệu Tổ chỉ Nguyễn Kim. Nguyễn Kim là nội tổ phụ của các chúa Nguyễn và ngoại tổ phụ của các chúa Trịnh, với miếu hiệu là Triệu Tổ, thụy là Tĩnh Hoàng Đế.*

Con trai thứ của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng là người mở đầu cho sự nghiệp của các chúa Nguyễn ở miền nam Việt Nam.

Nguyễn Hoàng: tức Nguyễn Thái Tổ, Chúa Tiên, là vị chúa Nguyễn đầu tiên, người đặt nền móng cho vương triều Nguyễn (1802 - 1945)

Con gái của ông là Nguyễn Thị Ngọc Bảo lấy Trịnh Kiểm sinh ra Trịnh Tùng (Chúa Trịnh).

***Lê Trang Tông (1514 - 1548):** *tên thật là Lê Ninh - vị hoàng đế thứ 12 của nhà Hậu Lê và là vị hoàng đế đầu tiên của nhà Lê Trung hưng. Ông còn được dân gian gọi là Chúa Chôm.*

***Lôi Dương:** *huyện theo địa giới hành chính thời Hồng Đức Lê Thánh Tông, trước là huyện Cổ Lôi, nay là huyện Thọ Xuân, một phần đất huyện Thường Xuân, một phần thuộc huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa*

TRANG 25:

	TỈ	TÚ	ĐIỆN		TỈ	TUỐNG
NAM	THÁI	TỨ	TIỀN	NAM	THÁI	QUÂN
TỬ	PHU	THỤY	ĐỒ	TỬ	PHU	THỤY
NGÔ	NHÂN	CHÂN	KIỂM	NGÔ	NHÂN	HIỀN
VĂN	NGUYỄN	TÍNH	ĐIỂM	ĐÌNH	NGUYỄN	TÍNH
KHANG	THỊ	PHỦ	TẢ	TÚ	THỊ	PHỦ
PHONG	HÚY	QUÂN	HIỆU	PHONG	HÚY	QUÂN
TÂY	HIỀN		ĐIỂM	BÌNH	BA,	
NHAM	HIỆU		BÌNH	GIANG	HIỆU	
HẦU,	TỪ		GIANG	HẦU	TỪ	
THỨ	HÀNH		HẦU		AN	
TỬ			THẮNG			
NGÔ			THỤ			
VĂN			CHIÊU			
TRIẾT			HÙNG			
CƯ			TUỐNG			
NGHỆ			QUÂN			
AN			NGÔ			
PHỤNG			ĐÌNH			
CÔNG						
Hương Sơn huyện, Xã Đà thôn						

DỊCH TRANG 25: Ngô tướng công được ban thụ Hiền Tính phủ quân.

Vợ - Tỉ thái phu nhân Nguyễn Thị, tên húy là Ba, hiệu là Từ An.

Con trai Ngô Đình Tú được phong tước Bình Giang Hầu.

Điện tiền Đô kiểm điểm tả hiệu điểm Bình Giang Hầu Ngô Đình Tú được thăng chức Chiêu Hùng tướng quân, được ban thụ Chân Tính phủ quân.

Vợ - Tỉ thái phu nhân Nguyễn Thị, tên húy là Hiền, hiệu là Từ Hành

Con trai trưởng Ngô Văn Khang được phong tước Tây Nham Hầu. Con trai thứ Ngô Văn Triết phụng dưỡng cha ở thôn Xã Đà, huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ An.

TRANG 26:

TỈ	VỤ	TÔN		TỈ	HÚY	ĐẶC
THÁI	TẢ	LẬP	CÔNG	THÁI	KHANG	TIỀN
PHU	HIỆU	KIỆN	SINH	PHU	THỤY	PHỤ
NHÂN	ĐIỂM	NGHĨA	NGÔ	NHÂN	TRUNG	QUỐC
NGUYỄN	LƯƠNG	PHỤ	VĂN	NGUYỄN	NGHỊ	THƯỢNG
THỊ	TÀI	QUỐC	CẨM	QUÝ	PHỦ	TƯỚNG
HÚY	HÀU	THUẦN	LƯƠNG TÀI HÀU,	THỊ	QUÂN	QUÂN
PHẦN	NGÔ	TÍN	THỨ	NGỌC		VỆ
HIỆU	VĂN	DƯƠNG	SINH	TUẤN		CHỈ
TỪ	CẨM	VŨ	NGÔ	HIỆU		HUY
THỌ	THỤY	UY	VĂN	TỪ		SÚ
	CƯƠNG	DŨNG	DUYÊN	QUÝ		CHIÊM
	NGHỊ	THAM	PHONG			SỰ*
	PHỦ	ĐỐC	VINH			TÂY
	QUÂN	THẦN	QUẬN			NHAM
		VŨ	CÔNG,			HÀU
		TỨ				NGÔ
		VỆ				TƯỚNG
		QUÂN				CÔNG

DỊCH TRANG 26: Ngô Văn Khang: Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, vệ chỉ huy sứ, chiêm sự Tây Nham hầu Ngô tướng công, tên húy là Khang, thụy là Trung Nghị phủ quân.

Vợ - Tỉ thái phu nhân Nguyễn Quý Ngọc Tuấn hiệu Từ Quý.

Ngô Văn Khang sinh con trai trưởng Ngô Văn Cẩm (được phong tước Lương Tài hầu), con trai thứ là Ngô Văn Duyên được phong Vinh quận công.

Ngô Văn Cẩm được vinh phong là Kiên Nghĩa phụ quốc Thuần tín Dương vũ Uy dũng tham đốc thần vũ tứ vệ quân vụ tả hiệu điểm Lương Tài hầu, được ban thụy là Cương nghị phủ quân.

Vợ - Tỉ thái phu nhân Nguyễn Thị Phần hiệu Từ Thọ.

GHI CHÚ:

***Chiêm sự:** chức quan Chiêm sự, chuyên cung cấp mọi việc cho Thái tử (có Chiêm sự phủ)

* Nguyễn Quý Ngọc Tuấn*: từ “*Tuấn*” nghĩa là *khơi thông* (*tuấn hà: khơi sông*), *sâu sắc* (*tuấn triết*)

* Ngô Văn Cẩm là công thần được vinh phong bằng mỹ tự gồm sáu chữ: Thuận tín, Dương vũ, Uy dũng

TRANG 27:

THAM						
ĐỐC	CẦM	NIÊN	VĂN	TÍ	MẬU	CÔNG
THẦN	MẠC	CẦM	CẢO	NGUYỄN	HỢP,	SỰ
VŨ	ĐẢNG	MẠC	Trần nhất tác	NIÊN,	HỮU	THỂ
THÂN	PHU,	TẶC,	NGÔ	TÁI	CẦM	TÔNG
QUÂN	BẢO	THĂNG	VĂN	THẢO	MẠC	TRIỀU
TỨ	BỐI	THỤ	AO	MẠC	KÍNH	QUANG
VỆ	THÂM	TẢ	SỰ	HỮU	CHỈ,	HÙNG
QUÂN	ĐA,	HIỆU	KÍNH	ĐẠI	GIÁP	THẬP
VỤ	THĂNG	ĐIỂM,	TÔNG,	CÔNG,	NGỌ	NGŨ
ĐÔ	THỤ	NGÔ	THẦN	CÔNG	THẬP	NIÊN
CHỈ	TÁN	VĂN	TÔNG	SINH	THÁT	GIAN,
HUY	TRỊ	PHONG	HOẰNG	NAM	NIÊN,	TÙY
SÚ	CÔNG	SỰ	ĐỊNH,	TỬ	ĐẠI	BÌNH
THĂNG	THẦN	KIỆN	VĨNH	NGÔ	PHÁ	AN
THỤ	ĐÔ	TẠI	TỘ	VĂN	TẶC	VƯƠNG
THIỆU	HIỆU	HẬU,	NIÊN	AO	ĐỒ,	TRỊNH
ÚY	ĐIỂM,	NGÔ	GIAN,	NGÔ	KÍNH	TÙNG
ĐỒNG		VĂN	KỶ	VĂN	TÔNG	TIỂU
PHÚ		CẢO	TỶ	PHONG	THẬN	HOẠCH
				NGÔ	ĐỨC	MẠC
					CANH	

DỊCH TRANG 27:

Ngô Văn Cầm phụng sự trong mười lăm năm niên hiệu Quang Hưng triều vua Lê Thế Tông, theo Bình An vương Trịnh Tùng tấn công và tiêu diệt Mạc Mậu Hợp, sau đó bắt được Mạc Kính Chỉ.

Năm Giáp Ngọ, đại phá quân nhà Mạc. Năm Canh Tý niên hiệu Thận Đức thứ nhất đời vua Lê Kính Tông (1600), tiếp tục lập công lớn trong cuộc chinh phạt quân Mạc.

Ngô Văn Cầm sinh được 3 con trai là Ngô Văn Ao, Ngô Văn Phong, Ngô Văn Cảo.

Ngô Văn Ao phụng sự triều Lê trong các năm Hoằng Định, Vĩnh Tộ dưới thời vua Lê Kính Tông và Lê Thần Tông. Năm Kỷ Tỵ bắt được giặc nhà Mạc, được thăng chức Tả hiệu điền (chức quan tòng nhị phẩm)

Ngô Văn Phong: việc ghi chép ở phần sau

Ngô Văn Cảo: bắt được đồng đảng nhà Mạc làm tù binh, thu được nhiều của báu, được thăng chức Tán trị công thần Đô hiệu điền (chức quan võ - chánh nhị phẩm)

Ngô Văn Phong: Tham đốc thân vũ thân quân tứ vệ quân vụ đô chỉ huy sứ thăng thụ Thiếu úy Đồng Phú hầu
Ngô Văn Phong, thụ là Phúc Thịnh phủ quân.

GHI CHÚ:

**Trịnh Tùng (1550 - 1623): thụ hiệu Thành Tổ Triết Vương, vị chúa Trịnh đầu tiên thời Lê Trung Hưng. Từ thời Trịnh Tùng trở đi, họ Trịnh mới nhận tước vương khi còn tại vị, được gọi là chúa và lập thế tử, nên ông được xem là vị chúa Trịnh chính thức đầu tiên. Năm 1592, Trịnh Tùng xuất quân bắc phạt, giành lại Đông Đô từ tay nhà Mạc, hoàn thành sự nghiệp trung hưng triều Lê.*

**Mạc Mậu Hợp (1560 - 1592): tức Mạc Anh Tổ, vị vua thứ 5 của nhà Mạc thời Nam-Bắc triều*

**Mạc Kính Chi : tức Mạc Mậu Tông, là con cả của Khiêm vương Mạc Kính Điển, quan phụ chính của nhà Mạc trong hơn 30 năm (con vua Mạc Thái Tông). Mạc Kính Chi xưng vua được 3 tháng, sau bị Trịnh Tùng giết.*

**3 vị Ngô Văn Ao, Ngô Văn Phong, Ngô Văn Cảo tên đặt theo bộ Kim, “Ao”: cái chậu đồng, “Phong” là mũi giáo, mũi dao, “Cảo” nghĩa gốc là cái cuốc chim (về sau được dùng với nghĩa là sự lựa chọn kỹ lưỡng)*

**Đô chỉ huy sứ: Thời Hậu Lê, vua Lê Thánh Tông cải tổ hành chính và quân đội, Đô chỉ huy sứ là chức được phong cho các võ quan đứng đầu các ty quân sự tại kinh đô, trật Chánh tam phẩm. Thời Nguyễn, Đô chỉ huy sứ là chức chương quan đứng đầu ty Cẩm Y Vệ, lãnh trọng trách bảo vệ vua, trật Chánh nhị phẩm*

TRANG 28:

GIANG	TÁN				TỈ	HẦU
HẦU	TRỊ	ĐÌNH	ĐẢNG	CÔNG	THÁI	NGÔ
NGÔ	CÔNG	TRƯỞNG,	TẠI	DỰC	PHU	VĂN
TUỐNG	THẦN	TRƯỞNG	GIANG	PHÙ	NHÂN	PHONG
CÔNG	ĐẶC	SINH	MÃNG	THẦN	NGUYỄN	THỤY
HUY	TIẾN	ĐÌNH	ĐỊA	TÔNG	QUÝ	PHÚC
BÍCH	PHỤ	HIỆU,	PHƯƠNG,	CHÂN	THỊ	THỊNH
TỰ	QUỐC	HẬU	CÔNG	TÔNG	NGỌC	PHỦ
TIẾN	THƯỢNG	BIỆT	TIỀN	TRIỀU,	LỖI	QUÂN
VINH	TUỐNG	VI	THÊ	Ư	HIỆU	
THỤY	QUÂN	NHẤT	SINH	VĨNH	TỪ	
PHÚC	CÂM	CHI,	NGÔ	TỘ	THÁI	
NGHIÊM	Y	HẬU	ĐẶC	DƯƠNG		
PHỦ	VỆ	THÊ	PHONG	HÒA		
QUÂN	THĂNG	SINH	THIỆU	NIÊN		
	THỤ	NGÔ	CHỨC	GIAN,		
	THÁI	TIỀN	HẦU,	PHỤNG		
	ÚY	VINH	ĐẶC	MỆNH		
	ĐẢNG	PHONG	SINH	CÂM		
		ĐẢNG		TẶC,		
		GIANG				
		HẦU				

DỊCH TRANG 28:

Ngô Văn Phong: Tham đốc thần vũ thân quân tứ vệ quân vụ đô chỉ huy sứ thăng thụ Thiếu úy Đồng Phú hầu Ngô Văn Phong, thụ là Phúc Thịnh phủ quân.

Vợ - Tỉ thái phu nhân Nguyễn Quý Ngọc Lỗi, hiệu là Từ Thái

Ngô Văn Phong làm quan trong các năm Vĩnh Tộ, Dương Hòa dưới triều vua Lê Thần Tông, Lê Chân Tông, phụng mệnh đi bắt giặc ở các vùng đầm, ven sông.

Vợ trước của Ngô Văn Phong sinh Ngô Đặc, được phong tước Thiệu Chức hầu.

Ngô Đạc sinh Ngô Đình Trường.

Ngô Đình Trường sinh Ngô Đình Hiệu, sau tách thành một chi của họ Ngô.

Vợ sau của Ngô Văn Phong sinh Ngô Tiến Vinh được phong Đẳng Giang hầu.

Ngô Tiến Vinh: Tán trị công thần đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ thăng thụ Thái úy Đẳng Giang hầu Ngô Tiến Vinh, tên húy là Bích, tự Tiến Vinh, thụy là Phúc Nghiêm phủ quân.

GHI CHÚ: *Thái úy: *chức quan võ, chánh nhất phẩm*

TRANG 29:

TỈ	ĐÌNH	KHAI				TỈ
PHU	QUYỀN	QUỐC	THỨ	TRƯỞNG,	CÔNG	QUẬN
NHÂN	TỰ	TRUNG	NGÔ	THỤY	SỰ	THÁI
LÊ	PHÚC	HUNG	ĐÌNH	PHÚC	THẦN	PHU
QUÝ	TOÀN	CÔNG	LỘC	THÀNH,	TÔNG	NHÂN
THỊ	PHỦ	THẦN	PHONG	THỨ	PHỤNG	NGÔ
HIỆU	QUÂN	TÔN	BÁI	NGÔ	MỆNH	THỊ
TỪ		QUAN	TRUNG	ĐÌNH	TRẨM	NGỌC
ĐỨC		VIÊN	HẦU,	CƠ	MẠC	TRÌ
		TỬ	THỤY	PHONG	KIÊU	HIỆU
Công		CHÍNH	PHÚC	PHẦN	TUỐNG.	TỪ
Sinh		ĐỘI	THẬT	LONG	CÔNG	HY
Nam		TRƯỞNG		HẦU,	SINH	
Nữ		NHUẬN		THỨ	NGÔ	
Lục		TRẠCH		NGÔ	ĐÌNH	
Nhân		HẦU		ĐÌNH	QUÝ	
		NGÔ		QUYỀN	PHONG	
		QUÝ		PHONG	CHÍNH	
		CÔNG		NHUẬN	ĐỘI	
		HÚY		TRẠCH		
				HẦU		

DỊCH TRANG 29:

Vợ Ngô Tiến Vinh là Quận thái phu nhân Ngô Thị Ngọc Trì, hiệu là Từ Hy.

Ngô Tiến Vinh làm quan dưới thời vua Lê Thần Tông, giết được tướng nhà Mạc.

Ngô Tiến Vinh sinh được con trai trưởng Ngô Đình Quý, phong là Chính đội trưởng, thụy là Phúc Thành

Con trai thứ là Ngô Đình Cơ được phong tước Phần Long hầu

Con trai thứ Ngô Đình Quyền được phong tước Nhuận Trạch Hầu

Con trai thứ Ngô Đình Lộc được phong tước Bái Trung Hầu, thụy là Phúc Thật.

Khai quốc trung hưng công thần tôn quan viên tử Chính đội trưởng Nhuận Trạch hầu Ngô Quý công, húy

Đình Quyền, tự Phúc Toàn phủ quân

Tỉ phu nhân họ Lê Quý, hiệu Từ Đức. Ngô Đình Quyền sinh được sáu người con cả trai lẫn gái

TRANG 30: trang trắng

TRANG 31:

UY	HIỂN	THÁNH	NHÂN	THÁI	LÊ	LÊ
MỤC	TÔNG	TÔNG	TÔNG	TÔNG	THÁI	TRIỀU
ĐẾ,	DUỆ	THUẦN	TUYÊN	VĂN	TỔ	NIÊN
HIỂN*	HOÀNG	HOÀNG	HOÀNG	HOÀNG	CAO	HIỆU
TÔNG	ĐẾ	ĐẾ	ĐẾ	ĐẾ	HOÀNG	
THỨ					ĐẾ	
HUYNH						
BỊ						
PHẾ						
	CẢNH	QUANG	THÁI	THIỆU	HIỆU	MẬU
ĐOAN	THỐNG	THUẬN	HÒA	BÌNH	THUẬN	TUẤT
KHÁNH	THẤT	THẬP	THẬP	LỤC	THIÊN	NIÊN
NGŨ	NIÊN,	NIÊN,	NHẤT	NIÊN,	KỶ	KHỞI
NIÊN		HỒNG	NIÊN,	THÁI	LỤC	BINH,
		ĐỨC	DIÊN	BẢO	NIÊN	THẬP
		NHỊ	NINH	TAM		TUẾ
		THẬP	LỤC	NIÊN		THIÊN
		BÁT	NIÊN,			HẠ
		NIÊN	NGHI			THỦY
			DÂN			ĐỊNH,
			THÍ			MẬU
			NGHỊCH			THÂN
						TỨC
						VỊ

DỊCH TRANG 31: Các niên hiệu triều Lê:

Lê Thái Tổ khởi binh năm Mậu Tuất, trải qua mười năm bình định thiên hạ, lên ngôi năm Mậu Thân

Lê Thái Tổ Cao Hoàng Đế: niên hiệu Thuận Thiên, kéo dài sáu năm (1428 - 1433)

Thái Tông Văn Hoàng Đế: niên hiệu Thiệu Bình kéo dài sáu năm (1434 - 1439), Thái Bảo ba năm (1440-1442) (sử ghi Đại Bảo, cũng có tài liệu ghi Thái Bảo. Bản gia phả ghi Thái Bảo tam niên)

Nhân Tông Tuyên Hoàng Đế: niên hiệu Thái Hòa kéo dài mười một năm (1443 - 1453), niên hiệu Diên Ninh sáu năm (1454 - 1459).

Lê Nghi Dân: là con trưởng của vua Lê Thái Tông, Nghi Dân làm binh biến lật đổ em trai mình là Lê Nhân Tông để tiếm vị, lên ngôi, sử gọi là Thiên Hưng đế (1459-1460)

Thánh Tông Thuần Hoàng Đế: niên hiệu Quang Thuận mười năm (1460 - 1469), niên hiệu Hồng Đức hai mươi tám năm (1470 - 1497)

Hiển Tông Duệ Hoàng Đế: niên hiệu Cảnh Thống kéo dài bảy năm (1497 - 1504)

Uy Mục Đế: niên hiệu Đoan Khánh kéo dài năm năm (1505-1509). Lê Uy Mục là anh thứ của vua Lê Túc Tông, sau bị phế truất

GHI CHÚ: ***Lê Uy Mục:** *anh thứ của vua Lê Túc Tông. Bản dịch ghi Uy Mục đế là anh thứ của vua Lê Hiến Tông là không đúng, bởi Uy Mục đế (tên húy là Lê Tuấn) là con trai của Lê Hiến Tông.*

TRANG 32:

	ANH	TRUNG	TRANG		HOÀNG		CHIỀU		TƯƠNG
	TÔNG	TÔNG	TÔNG	PHỤ	ĐỆ		TÔNG		DỰC
	TUẤN	VŨ	DỰ	NGUY	XUÂN		THẦN		ĐỀ
	HOÀNG	HOÀNG	HOÀNG	MẠC			HOÀNG		Thánh
	ĐỀ	ĐỀ	ĐỀ				ĐỀ	Bị	Tông
				Mạc		Mạc	Thánh	thí	Tử
Chi	Thái	Vô	Nguyên	Đăng		Đăng	Tông		Kiến
Huyền	Tổ	Tự	Hòa	Dung	Thống	Dung	Tử		Vương
Tông,	Huynh		Thập	Tiêm	Nguyên	Thí	Kiến		Chi
Vi	Lam	Thuận	Nhất	Hiệu	Lục	Nghịch	Vương		Tử
Trịnh	Quốc	Bình	Niên	Minh	Niên		Chi		
Tùng	công	Bát		Đức			Tôn		
Thí	Lê	niên		Tam	Mạc	Quang		Hồng	
Nghịch	Trừ			Niên,	Đăng	Thiệu		Thuận	
Thiên					Dung	Thập		Bát	
Hự				Mạc	Soán	Nhất		Niên	
Nhất				Đăng	Vị	Niên*			
Niên,				Doanh					
Chính				Đại					
Trị				Chính					
Thập				Tam					
Tứ				Niên					
Niên,									
Hong									
Phúc									
Nhị									
Niên									

DỊCH TRANG 32:

Tương Dực đế: cháu nội vua Lê Thánh Tông, là con trai của Kiến Vương, niên hiệu Hồng Thuận kéo dài tám năm (1509 - 1516)

Chiêu Tông Thân Hoàng Đế: cháu của vua Lê Thánh Tông, cháu của Kiến Vương, bị bề tôi Mạc Đăng Dung giết hại. Niên hiệu Quang Thiệu kéo dài mười một năm*

Hoàng đế Xuân - tức Lê Cung Hoàng, tên húy là Lê Xuân: em trai của Lê Chiêu Tông. Niên hiệu Thống Nguyên kéo dài sáu năm. Bị Mạc Đăng Dung soán ngôi. *(Lê Chiêu Tông trốn khỏi sự khống chế của Mạc Đăng Dung, dấy cờ Cần vương. Sau khi để thiên tử vượt khỏi tay, Đăng Dung bị mất chính danh, bèn lập em của vua Lê Chiêu Tông là Lê Xuân lên ngôi, lấy niên hiệu là Thống Nguyên. Từ đó, trong nước tồn tại hai vị vua, được gọi theo niên hiệu, là Thống Nguyên Đế và Quang Thiệu Đế).*

Ghi ghép thêm về Ngụy triều Mạc (theo sử: Mạc Đăng Dung giết vua để lên ngôi, nên người chép sử thường dùng các từ: “Ngụy triều Mạc” để nói về nhà Mạc, “Mạc tặc” để nói về Mạc Đăng Dung): Mạc Đăng Dăng tiếm hiệu nhà Lê, lập nên nhà Mạc, lấy niên hiệu Minh Đức, trị vì trong ba năm (1527-1529)

Trang Tông Dụ Hoàng Đế: niên hiệu Nguyên Hòa kéo dài mười một năm (thực tế là trị vì mười lăm năm: 1533 - 1548)

Trung Tông Vũ Hoàng Đế: không có người nối dõi. Niên hiệu Thuận Bình kéo dài tám năm (1548 - 1556)

Anh Tông Tuấn Hoàng Đế: tức Lê Huyền, cháu sáu đời của Lam Quốc công Lê Trừ - anh trai của Lê Thái Tổ Lê Lợi. Lê Anh Tông về sau bị Trịnh Tùng giết. Các niên hiệu: Thiên Hựu (1557), Chính Trị kéo dài mười bốn năm (1558 - 1571), niên hiệu Hồng Phúc kéo dài hai năm (1572 - 1573)

GHI CHÚ:

*Quang Thiệu: niên hiệu đời vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1522). Bản gia phả đang ghi Quang Thiệu kéo dài mười một năm, có khả năng là tính gộp cho đến hết năm Thống Nguyên của hoàng đế Xuân - Lê Cung Hoàng (1522-1527)

TRANG 33:

GIA	HUYỀN	THẦN	CHÂN		THẦN	KÍNH	THẾ
TÔNG	TÔNG	TÔNG	TÔNG		TÔNG	TÔNG	TÔNG
MỸ	MỤC	Phục	THUẬN		UYÊN	HUỆ	DUY
HOÀNG	HOÀNG	Tức	HOÀNG		HOÀNG	HOÀNG	ĐÀM
ĐẾ	ĐẾ	Đế	ĐẾ		ĐẾ	ĐẾ	Anh
Hoàng	Thần	Vị				Trịnh	Tông
Đệ	Tông	Khánh	Phúc	Đức	Vĩnh	Tùng	Đệ
	Thái	Đức	Thái	Long	Tộ	Thí	Ngũ
Dương	Tử	Tứ	Thất	Lục	Thập	Nghịch	Tử
Đức	Cảnh	Niên,	Niên,	niên	Niên,		
Nhị	Trị	Thịnh	Vô		Dương	Thận	Gia
Niên,	Cửu	Đức	Tự		Hòa	Đức	Thái
Đức	niên	Ngũ			Cửu	Nhất	Ngũ
Nguyên		Niên,			Niên,	Niên,	Niên,
Nhị		Vĩnh			Truyền	Hoảng	Quang
Niên,		Thọ			Vị	Định	Hung
		Tứ			Thái	Nhị	Nhị
		Niên,			Tử,	Thập	Thập
		Vạn				Niên	Nhị
		Khánh					Niên
		Nhất					
		Niên					

DỊCH TRANG 33:

Thế Tông Nghị Hoàng đế - Lê Duy Đàm: con thứ năm của vua Lê Anh Tông. Niên hiệu Gia Thái (1573–1577), Quang Hưng (1578–1599)

Kính Tông Huệ Hoàng đế - Lê Duy Tân: bị Trịnh Tùng giết. Niên hiệu: Thuận Đức (1600) Hoàng Định (1601–1619)

Thần Tông Uyên Hoàng đế - Lê Duy Kỳ (lần I): niên hiệu Vĩnh Tộ (1620–1628), Đức Long (1629–1634), Dương Hòa (1634–1643), truyền ngôi cho Thái tử Lê Duy Hựu (tức Lê Chân Tông)

Chân Tông Thuận Hoàng đế - Lê Duy Hựu: niên hiệu Phúc Thái kéo dài bảy năm (1643-1649), không có con nối dõi. Vì vậy, Lê Thần Tông quay trở lại làm vua lần thứ hai.

Thần Tông trở lại ngai vàng (lần II): các niên hiệu Khánh Đức (1649–1652), Thịnh Đức (1653–1657), Vĩnh Thọ (1658–1661), Vạn Khánh (1662)

Huyền Tông Mục Hoàng đế: Lê Duy Vũ - con thứ của Lê Thần Tông (do con đích/trưởng là Lê Duy Hựu - tức Lê Chân Tông đã mất, nên con thứ được coi là con đích). Niên hiệu Cảnh Trị kéo dài chín năm (1663-1671)

Gia Tông Mỹ Hoàng đế: em vua Huyền Tông, tên là Lê Duy Cối. Là con trai thứ của vua Thần Tông. Lê Huyền Tông qua đời mà không có con nối dõi nên Trịnh Tạc lập người em trai Lê Duy Cối lên ngôi vua năm 11 tuổi. Niên hiệu: Dương Đức (1672–1673), Đức Nguyên (1674–1675)

TRANG 34:

	LÊ						
	SƠ						
HẬU	TỰ	HIỂN		THUẦN	ĐẾ	DỤ	HY
LÊ	THÁI	TÔNG		TÔNG	DUY	TÔNG	TÔNG
KHỎI	TỔ	VĨNH		GIẢN	PHƯỜNG	HÒA	CHƯƠNG
TRANG	MẬU	HOÀNG		HOÀNG	Vi	HOÀNG	HOÀNG
TÔNG	TUẤT	ĐẾ		ĐẾ	Trịnh	ĐẾ	ĐẾ
QUÝ	KHỎI	Thuần			Giang		Hoàng
TỶ	BINH	Tông		Long	Phế	Vĩnh	Đệ
CHÍ	CHÍ	Trưởng		Đức		Thịnh	Vĩnh
CHIÊU	CHIÊU	Từ		Từ	Vĩnh	Thập	Trị
THỐNG	TÔNG	Cảnh		Niên,	Khánh	Ngũ	Ngũ
KỶ	BÍNH	Hung			Tứ	Niên,	Niên,
DẬU	TUẤT	Tứ		Ý	Niên	Bảo	Chính
KỶ	CÔNG	Thập		TÔNG		Thái	Hòa
NHỊ	NHẤT	Thất		HUY		Thập	Nhị
BÁCH	BÁCH	Niên,		HOÀNG		Niên	Thập
NGŨ	CỬU			ĐẾ			Ngũ
THẬP	NIÊN	MÃN	Trịnh	Vĩnh			Niên,
THẤT		ĐẾ	Doanh	Hựu			Truyền
NIÊN.		Chiêu	Bức	Lục			Vị
		Thống	Truyền	niên			Thái
		Tam	Vị				Tử
		Niên.					

DỊCH TRANG 34:

Hy Tông Chương Hoàng đế - tên húy là Lê Duy Cáp, là em trai vua Lê Gia Tông. Các niên hiệu thời Hy Tông: Vĩnh Trị (1676 - 1680), Chính Hòa (1680 - 1705), sau truyền ngôi cho thái tử Dụ Tông Hòa Hoàng đế: niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705–1719), Bảo Thái (1720–1729)

Lê Đế Duy Phường: niên hiệu Vĩnh Khánh (1730 - 1732), bị Trịnh Giang phế ngôi, còn gọi là Vĩnh Khánh đế hay Lê Phế Đế. *(Năm 1732, Trịnh Giang vu cho Vĩnh Khánh đế tư thông với vợ chú Trịnh Cương, rồi phế ngôi vua, thành Hôn Đức công, chuyển ra ngoài cung và sau đó sai người thắt cổ Duy Phường.)*

Thuần Tông Giản Hoàng đế: niên hiệu Long Đức kéo dài bốn năm (1732-1735)

Ý Tông Huy Hoàng đế: niên hiệu Vĩnh Hựu được sáu năm (1735-1740), sau bị Trịnh Doanh ép phải nhường ngôi

Hiên Tông Vĩnh Hoàng đế: con trưởng của vua Lê Thần Tông, tức Lê Duy Diêu. Niên hiệu Cảnh Hưng, ở ngôi bốn mươi bảy năm (1740 - 1786)

Mẫn Đế hay Mẫn Hoàng đế: niên hiệu Chiêu Thống được ba năm (1786-1789), sử gọi là Lê Chiêu Thống. Tên húy là Lê Duy Khiêm, sau khi lên ngôi đổi là Lê Duy Kỳ. Là vị vua cuối cùng của triều Lê.

Nhà Lê Sơ từ khi Lê Thái Tổ khởi binh năm Mậu Tuất, đến Lê Chiêu Tông năm Bính Tuất kéo dài 109 năm (từ năm 1418 đến 1527)

Nhà Hậu Lê (sử gọi là Lê Trung Hưng) kéo dài từ đời Lê Trang Tông năm Quý Tỵ đến Lê Chiêu Thống năm Kỷ Dậu tính ra được 257 năm (Tính từ năm 1533 đến năm 1789).

Ghi chú: Nhà Lê trải qua 6 năm không niên hiệu, không nắm quyền làm chủ đất nước (Thời điểm từ 1527 tới 1533. Đây là thời kỳ của nhà Mạc với 2 vị vua Mạc Thái Tổ và Mạc Thái Tông)

TRANG 35:

DIÊU	NHẤT	TẠC	ĐỊA	CAO	CAO	NGỒ
HOẶC	NHÂN,	THỒ	CHUNG	THỦY	CAO	GIA
TỶ	GIAI	CHI,	ANH,	TỔ	THỦY	PHÂN
THA	PHONG	ÂN	NGÔ	NGÔ RÔ,	TỔ	CHI
HƯƠNG	CÔNG	TẤN	TỘC	THIÊN	BẢN	PHỔ
BẢO	HẦU,	PHONG	TÔNG	TÁNG	TÍNH	CHÍ
THỦ	THỜI	DIÊN	TƯ	TẠI	NGÔ	
PHÂN	THỤ	Ý	PHÁT	PHA	ÁI	
THỦ,	TỬ	DỰ	TÍCH,	THẠCH,	CHÂU	
DIÊN TỬ	DIÊN	VƯƠNG,	NGÔ	CAO	NHÂN	
HOẶC	NHẬT	VƯƠNG	TƯỚNG	THỦY	DÃ	
LỊ	ĐA,	HỮU	CÔNG	TỔ	Kim cái Thanh Hóa tỉnh	
CHÂU	HOẶC	THÂN	NGÔ TỬ	TỈ	QUÁN	
QUẬN	CỨ	TAM ĐỆ	DĨ	TRẦN THỊ HỮU	TẠI	
NHÂN	BẢN	NHÂN,	KHAI	THIÊN	ĐỘNG	
DOANH	QUÁN	VƯƠNG	QUỐC	TÁNG	BÀNG,	
BIỆT	PHỤNG	SINH	NGUYỄN	TẠI	Thiệu Thiên phủ, Yên Định huyện	
NGHIỆP,	THỦ	NAM	CÔNG,	TỰ	Động Bàng hương, Xuân Thượng thôn	
KỶ	TÔNG	TỬ	KHÂM	BIÊN,	TỰ	
		THẬP	MÔNG	PHÚC		

DỊCH TRANG 35:**GHI CHÉP VỀ VIỆC PHÂN CÁC CHI CỦA HỌ NGÔ**

Cao cao thủy tổ (người lập ra dòng họ) vốn người họ Ngô tại Ái Châu (nay là tỉnh Thanh Hóa), quê quán Động Bảng, thôn Xuân Thượng, làng Động Bảng, huyện Yên Định, phủ Thiệu Thiên (nay là Đồng Phang, xã Định Hòa, Yên Định, Thanh Hóa).

Từ khi Cao thủy tổ Ngô Rô mất, an táng tại gò đất, cao thủy tổ tì Trần Thị Hưu được chôn cất ở cạnh chùa, thì như được gặp nơi Đất lành anh linh hội tụ, dòng họ ta từ đó lập nghiệp lớn, để lại cho con cháu đời sau.

Ngô tướng công Ngô Từ là khai quốc công thần nhà Lê, được nhận ơn vua ban cho đất đai, được tấn phong tước Diên Ý Dụ Vương.

Dụ Vương có ba người em trai và có mười một người con trai, tất cả đều được phong tước công hầu, được ban cho nhiều ruộng đất. Người ở lại quê để thờ phụng tổ tiên, trông coi nhà thờ họ, người đi nơi khác coi giữ đất đai, tự điền được phong, hoặc có người đến các châu quận/ địa phương để theo nghiệp khác.

GHI CHÚ:

***Động Bảng:** *nay là Đồng Phang, xã Định Hoà, Yên Định, Thanh Hoá*

TRANG 36:

PHÚC	HÀU	THỤ	ĐÌNH	NGOẠI	TRUNG	THIÊN
THỌ,	NGŨ	QUỐC	TÀI	NHI	GIÁP	CÚ
NGẪU	THẬP	ÂN,	THỊ	NINH	KHOA,	CHI
TRỰC	NHỊ,	MÔN	CHI	BÌNH	NAM	NHÂN,
THỜI	KỶ	LƯ	NGÃ	DĨ	THIỆU	THƯỢNG
SỰ,	THẾ	QUANG	CHI	BẮC,	CƠ	BẰNG
DI	ĐẠI	ĐẠI,	TƯỚNG	Như Tả Thanh Oai, Tam Sơn chi loại	CẦU,	PHÚC
CÚ	TƯỜNG	DĨ	ĐẰNG,	Hựu tán cư tha hương Thái Nguyên	NỮ	ẨM
Ư	TẮT,	NHỊ	NGÃ	NGÔ	QUANG	TỬ
SƠN	DO	BÁCH	CHI	THỊ	MÔN	TÔN
NAM	TẠI	DƯ	TỰ	CÁC	HỘ,	GIAI
HẠ	NHÂN	NIÊN,	THANH	HỮU	NỘI	HỮU
TRẦN,	VĂN,	PHONG	QUỐC	CHI	TỰ	PHÁT
PHÂN	KỶ	VƯƠNG	CÔNG	TẠI	NGHỆ	ĐẠT,
VI	NGÃ	TỬ,	NGÔ	YÊN,	AN	VŨ
TAM	CAO	PHONG	KHẾ	KỶ	DI	VI
CHI,	THỦY	CÔNG	NHI	QUAN	NAM,	HÙNG
NHẤT	TỰ	THẬP	HẬU,	TƯỚC	Như Phụng Công Quỳnh Lưu chi loại,	TƯỚNG,
CÚ		NHẤT,	THẾ		Nan dĩ mai cử	VĂN
		PHONG				

DỊCH TRANG 36:

Những người chuyển đi nơi khác, thừa hưởng phúc đức tổ tiên mà đều phát đạt, võ thì có tướng giỏi, văn thì đều đỗ đạt khoa bảng, đỗ đạt; nam thì nổi nghiệp ông cha, nữ cũng làm vẻ vang cửa nhà; trong tỉnh Nghệ An thì những người đi về phía nam tới Quỳnh Lưu, Phụng Công nhiều không kể xiết; ra khỏi Nghệ An đi lên phía bắc tới Ninh Bình, có người tới Tả Thanh Oai, Tam Sơn, lại có người đi nơi khác như Thái Nguyên,

đều có các chi của họ Ngô, có thể thấy quan tước, của cải, đỉnh trướng dồi dào.

Chi ta có các bậc khanh tướng. Từ Thanh Quốc công Ngô Khế về sau này, các đời đều nhận được ơn vua lộc nước, hiển dương dòng họ làng xóm, trong hơn hai trăm năm có bốn người được phong Vương, mười một người được phong Công, có năm mươi hai người được phong Hầu, các đời đều được ghi chép rõ ràng.

Người đời còn được nghe, từ đời cụ tổ tên tự là Phúc Thọ, gặp thời vận chuyển đến ở trấn Sơn Nam Hạ, phân thành ba chi.

GHI CHÚ:

Tứ trấn quanh kinh thành Thăng Long gồm có: vùng núi phía tây được gọi là trấn Sơn Tây (xứ Đoài), vùng núi phía nam Hà Nội gọi là trấn Sơn Nam, vùng ven biển phía đông được gọi là trấn Hải Đông (xứ Đông), vùng phía bắc Hà Nội được gọi là trấn Kinh Bắc

Từ thời Tây Sơn và nhà Nguyễn, trấn Sơn Nam được chia ra **Sơn Nam Hạ, Sơn Nam Thượng**.

Địa bàn các tỉnh Hưng Yên, Hà Nam (phủ Lý Nhân xưa), Hà Nội (5 huyện phía Nam) thuộc Sơn Nam Thượng.

Địa bàn các tỉnh Nam Định, Thái Bình, và một phần tỉnh Ninh Bình ngày nay (các huyện mới khai khẩn ven biển như: Kim Sơn,...) thuộc Sơn Nam Hạ.

Tiền thân của xứ Sơn Nam là thừa tuyên Thiên Trường có thủ phủ tại Vị Hoàng (Nam Định). Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), thời vua Lê Thánh Tông, lần đầu tiên có bản đồ Đại Việt, Thiên Trường được đổi tên là Sơn Nam. Thủ phủ của Sơn Nam được chuyển về đóng tại Vân Sàng (Ninh Bình) lúc đó làm phen đậu che chắn cho quê hương Lam Sơn của nhà Lê

Vùng đất Tả Thanh Oai thuộc trấn Sơn Nam Thượng, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội

Tam Sơn: Làng Tam Sơn, xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

TRANG 37:

THUY	CHUNG,	HẬU,	PHỤNG	BẢN	GIÁM	TỔNG
TÔ,	KỶ	CÔNG	DUỠNG	ÁP	CHI	VŨ,
PHÚC	MỘ	THẦN	YÊN,	DĨ	DĨ	NHẤT
THỌ	TÁNG	MẪU	PHÚC	LAI,	TỰ	CƯ
CÔNG	TẠI	LÊ	THỌ	DOANH	ĐỊA	BÁI
DĨ	ĐỘNG	THỊ	CÔNG	THÀNH	CÓ,	DUƠNG,
QUAN	BÀNG,	ÂN	THẦN	CƠ	CẢI	NHẤT
VIÊN	NGÃ	CÓ	PHỤ	NGHIỆP,	TÍNH	CƯ
TỬ	CHI	HƯƠNG,	PHÚC	NÃI	VI	MINH
TÔN	TỰ	NÃI	TOÀN	HỒI	PHAN.	GIÁM,
THÍ	THỬ	BIỆT	MỆNH	ĐỘNG	Dĩ Phan dừ bàng cận âm, thủ dĩ vi tính,	BÁI
NHẬP	BIỆT	HỒI	MỘT,	BÀNG	Bất vong cựu hương dã.	DUƠNG
GIÁM	TÔN	QUÁN	TÁNG	NGHÊNH	NGÔ	CHI
SINH,	PHÚC	THAM	TẠI	PHỤ	TÔ	NGỒ NGUYỄN
LỊCH	TOÀN	THẦN,	NAM	MẪU	TỰ	TÍNH,
THỤ	CÔNG	CẢNH	THÔN,	TỰU	CƯ	NGỒ NGỒ
THAM	VI	DĨ	SỐ	TÂN		CHI
TRI,		BỆNH	NIÊN	CƯ,		DỪ
SINH						MINH

DỊCH TRANG 37:

Chia thành ba chi: một chi ở Tổng Vũ, một chi ở Bái Dương, một chi ở Minh Giám.

Chi Bái Dương giữ nguyên họ Ngô

Chi Ngô ta chuyển đến ở Minh Giám, đổi sang họ Phan (vì Phan và Bàng âm đọc gần giống nhau, nên lấy Phan làm họ và để không quên quê cha đất tổ)

(Tham khảo: Thủy tổ dòng Đồng Phang I Ngô Khắc Cung (1452 - 1541) là con trai thứ 7 của Thanh Quốc công Ngô Khế (1426 - 1514). Đến đời 28 là Đăng Giang hầu Ngô Tiến Vinh có 6 con trai, con thứ 3 là Ngô Đình Quyền. Ngô Đình Quyền có 4 con trai, con trưởng là Ngô Phúc Thọ, sau đổi thành họ Phan.

Ngô Đình Quyền: Nhuận Trạch Hầu, thụ Phúc Toàn, sinh năm Canh Thìn (1640), mất năm Quý Tị (1715), mộ ở Đồng Phang.)

Thủy tổ họ Ngô từ khi tới trấn Sơn Nam Hạ đã tạo dựng được cơ nghiệp, trở về Động Bàng (nay là Đồng Phang) đón cha mẹ đến nơi ở mới để phụng dưỡng. Cha của ông tổ Phúc Thọ là khảo tổ Phúc Toàn qua đời, an táng tại thôn Nam. Sau đó vài năm, mẹ của cụ tổ Phúc Thọ là khảo tổ tỷ Lê Thị nhớ quê cũ bèn từ biệt con cháu về quê thăm thân, cuối cùng bị bệnh qua đời, phần mộ an táng tại Động Bàng (tức Đồng Phang). Chi ta từ đó từ biệt quê cũ, **tôn Phúc Toàn công là thủy tổ (ông tổ).**

Phan Phúc Toàn là thủy tổ họ Phan Ngô

Phan Phúc Thọ là con cháu nhà quan được làm giám sinh nhập học Quốc tử giám, sau đó được phong làm chức Tham tri.

GHI CHÚ:

**Tham tri: là một chức vụ thời Nguyễn được đặc bổ tại các bộ trong Lục bộ, trật Tòng nhị phẩm, cáo thụ Trung Phụng đại phu. Tham tri là chức triều đình bổ nhiệm để giúp các quan Thượng thư tại Lục bộ, là chức quan cao cấp thứ 2 trong một bộ, dưới Thượng thư, và trên Thị lang.*

**Giám sinh: học trò học ở Quốc Tử Giám*

**Tổng Văn: nay thuộc xã Vũ Chính, Thành phố Thái Bình*

TRANG 38:

VŨ	MÃN	PHÚ	TỬ	TỰ	NHỊ	NAM
SONG	NGHỊ	QUÝ	TÔN	TIỀN	CÔNG	TỬ
PHÁT,	CÔNG	PHONG	TÁN	NGHIỆP,	THÍ	PHAN
LƯỢNG	DĨ	LƯU	CƯ	VỊ	NHẬP	PHÚC
THÀNH	PHONG	VĂN	THA	CHI	QUỐC	CƯỜNG,
CÔNG	THAO	Ư	HƯƠNG,	TRƯỜNG	TỬ	PHAN
PHONG	VŨ	THIÊN	DƯ	CHI	GIÁM	KHẮC
CƯỜNG	BIỆT HẦU	HẠ,	BẮT	TRUNG	GIÁM	KHOAN,
LỤC	VI	CÔNG	KÝ.	CHI,	SINH,	PHAN
HẦU,	NHẤT	SINH	NGÔ	CƯƠNG	LỊCH	CƯỜNG
HỮU	CHI,	MÃN	TỔ	DŨNG	THỤ	DŨNG,
NỮ	KỶ	NGHỊ	CHÍNH	CÔNG	TRỌNG	PHAN
HIỆU	HẬU	CÔNG,	ĐỨC	PHONG	CHỨC,	CHÍNH
DIỆU	TỬ	LƯỢNG	PHONG	PHẦN	KỶ	ĐỨC,
CẢNH,	TÔN	THÀNH	PHÚ	VŨ	TỬ	PHÚC
NHẬP	NHẬT	CÔNG,	VINH	HẦU,	TÔN	CƯỜNG
VI	PHIÊN,	CHÂN	HẦU,	KỶ	GIAI	KHẮC
	VĂN	TU			NĂNG	KHOAN
	VỖ	CÔNG				

DỊCH TRANG 38:

Phan Phúc Thọ sinh các con trai: Phan Phúc Cường, Phan Khắc Khoan, Phan Cương Dũng, Phan Chính Đức. Phan Phúc Cường, Phan Khắc Khoan thi đỗ Quốc Tử giám làm giám sinh, sau được nhận chức vụ quan trọng, con cháu hai vị đều có thể nối nghiệp ông cha. Phan Phúc Cường là chi trưởng, Phan Khắc Khoan là chi giữa.

Phan Cương Dũng được phong Phấn Vũ hầu, con cháu về sau chuyển đi nơi khác, không có ghi chép thêm. Ông tổ chi ta Phan Chính Đức được phong Phú Vinh hầu, nối danh thiên hạ là phong lưu, phú quý.

Phan Chính Đức sinh các con trai Phan Mẫn Nghị, Phan Lượng Thành, Phan Chân Tu.

Phan Mẫn Nghị được phong Thao Vũ Biệt hầu, là một chi họ. Chi họ Phan Mẫn Nghị con cháu ngày càng sinh sôi, sung túc, văn võ song toàn

Phan Lượng Thành được phong Cường Lực hầu, có con gái tên hiệu là Diệu Cảnh là cung phi của vua Lê Hiến Tông.

TRANG 39:

NGÃ	TRỌNG	TRƯỜNG	KHOA	THỨ	TU	LÊ
CHI	ĐƠN	NAM	VĂN,	NAM	CÔNG	HIỀN
TỰ	CÔNG	THỊ	Kim Phan Li, Phan Ứng kỳ chi duệ đã,	THỊ	THỜI	TÔNG
CHÂN	SINH	NGÔ		NGÔ	HIỆU	CUNG
TU	NHU	TỔ	THỨ	TỔ	CU	PHI,
CÔNG	NHẤT	HỮU	NAM	PHÚC	SỈ,	PHỤNG
SINH	CÔNG,	VI	THỊ	MỸ	SINH	CHUẨN
CHÚNG	Kim Phan Bính, Phan Trọ kỳ hậu duệ đã,	CÔNG,	PHÚC	CÔNG,	NHỊ	TỨ
TỬ,		THỨ	QUẢNG	PHÚC	NAM,	NHẤT
PHÂN	NGÔ	NAM	CÔNG,	MỸ	TRƯỜNG	CU
VI	TỘC	THỊ	Tự HỮU KHOA,	CÔNG	NAM	LỤC
CHÚNG	NGUỖNG	PHAN	PHÚC	SINH	CHI,	THẬP
TIÊU	BẰNG	TRỌNG	QUẢNG	TAM	TỬ	MẪU,
CHI,	TIÊN	ĐƠN,	SINH	NAM,	TÔN	ĐIỀN
NGÃ	ÂM	HỮU		TRƯỜNG	HÀO	NHẤT
GIA	THỂ	VI		NAM	PHÚ,	KHU
KỶ	HỮU	CÔNG		TỬ	Kim Phan Trọng Huê, Phan Văn Dụ kỳ hậu duệ đã	Tứ thập mẫu linh,
LỊCH	HIỀN	SINH		TÔN		NGÔ
TỬ	ĐẠT,	TRỌNG		HỮU		TỔ
		XUÂN,		PHÁT		CHÂN

DỊCH TRANG 39:

Phan Lượng Thành được phong Cường Lực hầu, có con gái tên hiệu là Diệu Cảnh là cung phi của vua Lê Hiến Tông, được ban nơi ở 60 mẫu và phần ruộng hơn 40 mẫu.

Ông tổ Phan Chân Tu được gọi là cư sĩ, sinh được hai người con trai. Chi trưởng nam con cháu đều là hào phú, nay là hậu duệ của Phan Trọng Huê, Phan Văn Dụ.

Con trai thứ của Phan Chân Tu là Phan Mỹ Công **(Chi họ nhà ta)**

Phan Mỹ Công sinh được ba người con trai. Con cháu của trưởng nam (Phan Phúc Liêm) phát triển theo con đường học hành, thi đậu khoa bảng, hậu duệ nay là chi Phan Li, Phan Ứng.

Con trai thứ là Phan Phúc Quảng, tự Hữu Khoa (tức Phan Hữu Khoa) **(Chi họ nhà ta)**

Phan Phúc Quảng hay Phan Hữu Khoa sinh con trưởng Phan Hữu Vi **(Chi họ nhà ta)**, con trai thứ là Phan Hữu Đôn.

Phan Hữu Vi **(Chi họ nhà ta)** sinh Phan Trọng Xuân

Phan Hữu Đôn sinh con trai Phan Như Nhất, hậu duệ nay là chi Phan Bính, Phan Trợ.

Họ ta (Phan Ngô) nhờ phúc tổ tiên nên các đời con cháu hiển đạt, có người làm quan.

Chi họ ta từ Phan Chân Tu sinh các con, từ đó chia thành các chi nhỏ, trải qua bốn đời

TRANG 40:

SỞ	QUẢNG	SỞ	NHÂN,	CHI	THẾ,
THƯỜNG	HÀNH	TRÍ	VĂN	CÁT	DUY
HỮU,	ÂM	DÃ,	KHOA	ĐỊA,	DĨ
NHI	CHÁT,	HẬU	VÔ	HỮU	CANH
BÁT	DĨ	NGÃ	LIỆT,	DIÊN	NÔNG
TƯ	TẶNG	CHI	KHẮC	SƯ	VI
TU	THỤ	NHÂN	CHẤN	BÁI	NGHIỆP,
TÍCH	PHÚC	NHI	GIA	CẦU	HỖN
KHẢ	CHI	NĂNG	THANH,	PHÚC	HỖN
NHĨ,	CƠ,	TƯ	LƯƠNG	,	PHÁC
NGÃ	VÔ	THỦ,	DO	ĐỊA HẢO,	PHÁC,
HẬU	ĐỒ	TẮC	NGÃ	TỰ	CHÍ
KỶ	VỊ	NĂNG	TỔ	THỦ	TRỌNG
ĐƯƠNG	CÁT	TƯ	TÁI	NHI	XUÂN
TAM	ĐỊA	QUANG	BÔI	VĂNG,	CÔNG
PHỤC	CÁT	TIỀN	ĐỨC	THỦY	MỘNG
NGÔN	NHÂN,	DỰ	TRẠCH	HỮU	THẦN
TƯ	THẾ	HẬU,	CHI	ĐỘC	NHÂN
				THƯ	TỬ,

DỊCH TRANG 40:

Chi họ ta từ Phan Chân Tu trải qua bốn đời, chia thành các chi nhỏ đến đời Phan Trọng Xuân chỉ làm nghề nông, cuộc sống bình dị, an nhàn. Phan Trọng Xuân nằm mơ được thần chỉ cho mảnh đất lành, lại mời thầy về cầu phúc cho chỗ đất lành ấy, mà từ đó về sau đã có người theo nghiệp văn thi cử đỗ đạt, nghiệp võ cũng ghi được nhiều công lao, làm rạng danh dòng họ. Những việc này đều do công đức to lớn của tổ tiên nhiều đời bồi đắp, con cháu đời sau cần hiểu rõ mà tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của gia tộc, tạo phúc cho đời sau.

Lời răn:

Những người đời sau cần luôn ghi nhớ, người tốt đất lành đâu đâu cũng có, duy chỉ có luôn làm việc tốt, việc nghĩa mới có thể duy trì sự thành công của dòng họ, tăng phúc của cha ông để lại. Ghi lòng tạ ơn, thấm nhuần lời răn!

Từ trang 41 đến trang 77 là văn tế, xin phép tạm để lại sau

TRANG 78:

			TIỀN	PHAN
THIÊN	VẠN	VIẾT	TỔ	GIA
MỆNH	VỊ	LƯỠNG	KHẢO	
CHI	THÀNH	NGHI	TỈ	
TỰ	HÌNH,	SINH	CHIÊU	
NHIÊN,	ĐẠO	VẬT,	MỤC	
NHƯ	BẢN	LÝ	CHƯ	
NHÂN	CÀN	CĂN	TÔN	
SINH	NGUYÊN	THÁI	LINH	
TẠI	CHI	CỰC	VỊ	
HỮU	THỦY,	CHI	TIỀN	
BẢN.	THỦ	CHÂN,		

DỊCH TRANG 78:**Họ Phan:**

Trước linh vị các vị tổ khảo tổ tỉ, thưa rằng: **Lưỡng nghi** sinh vạn vật, đó là cốt lõi căn bản của **Thái cực**, muôn loài hình thành, đạo bắt đầu từ Càn Nguyên - tức Quẻ Càn (☰), tượng trưng cho Trời là nguồn gốc muôn vật, thuận theo tự nhiên, cuộc đời con người sinh ra cũng vậy. (>>> Ý rằng con người sống cũng phải biết hài hòa cả Âm & Dương)

Đây là trang nói nhiều về Kinh Dịch - một hệ thống tư tưởng triết học của người Á đông và Trung Hoa cổ đại. Vô Cực sinh Thái Cực - Thái Cực sinh Lưỡng Nghi - Lưỡng Nghi sinh Tứ tượng - Tứ Tượng sinh Bát Quái - Bát Quái sinh vô lượng.

“Lưỡng Nghi” là khởi nguồn của Kinh Dịch, đó là Âm và Dương, Dương: vạch liền (-) còn Âm là vạch cách đoạn (--).

“Thái cực” được hiểu là trật tự cao nhất có thể nhận thức được, "Thái cực" tạo ra âm dương: động tạo ra dương, khi dương lên đến cực đại, nó chuyển hóa thành tĩnh. Trên nền tĩnh tại, thái cực tạo ra âm. Khi âm cực đại, lại chuyển hóa thành động. Động và tĩnh, trong vòng tuần hoàn đó, là nguồn gốc của nhau. Sự phân hóa giữa âm và dương được xác định và hai trạng thái âm dương được bộc lộ. Từ sự chuyển hóa của dương và sự kết hợp của âm, "Ngũ hành"- kim, mộc, thủy, hỏa và thổ ra đời. Khi ngũ hành phân hóa, chúng tạo ra sự hài hòa. Khi đã có sự hài hòa, 4 mùa xuất hiện. Âm và dương tạo ra vạn vật, và vạn vật lại tiếp tục tạo ra nhiều thứ khác; quá trình này không bao giờ dứt.

GHI CHÚ:

***Chiêu mục:** Trong nhà thờ giữa là bệ thờ tổ, các đời thứ hai, tư và sáu thờ bên trái, gọi là hàng “chiêu”, các đời thứ ba, năm và bảy thờ bên phải gọi là hàng “mục”.

TRANG 79:

GIÁP	SINH	SONG	TIÊN	NGHĨA
BẢNG	HẬU	TÍCH,	TỔ.	THUY
VINH	MẬU.	PHÚC	THANH	VŨ
ĐỀ,	LAM	LỘC	HÓA	TRỤ,
DỊCH	ĐIỀN	TỊNH	TÔN	ĐẠO
DIỆP	KHỎI	TRÂN,	CƯ,	TUYÊN
NHI	NGHĨA,	THẠCH	ĐỒNG	CỔ
BAN	KHAI	CẦU	PHAN*	KIM,
TỊNH	QUỐC	CHUNG	BỐC	KÍNH
NGỌC	NGUYỄN	ANH,	TRẠCH,	DUY
DUẦN,	CÔNG,	THỂ	CÁT	NGÃ
		SINH	PHẦN	

DỊCH TRANG 79:

Nghĩa bao trùm khắp trời đất thiên hạ, là đạo từ xưa tới nay (Khắp hết không gian là “Vũ”, suốt hết thời gian là “Trụ”)

Kính nghĩ rằng từ tổ tiên ta định cư ở Đồng Phan*, Thanh Hóa, xem xét chọn kỹ đất làm nhà, cũng như đất lành để làm nơi chôn cất, sao cho Phúc - Lộc cùng tới, cùng với thời gian, các đời con cháu sau này đều thịnh vượng, phát đạt.

Từ khởi nghĩa Lam Sơn là khai quốc công thần (cụ Ngô Từ), đời nối đời con cháu đều được vinh danh khoa bảng, nhiều người tài giỏi ví như măng ngọc

Ghi chú: Bản gia phả ghi Đồng Phan, sử dụng từ đồng âm Phan/ Phang để nói đến việc sau này chi họ Ngô khi đổi sang họ Phan là để nhớ về quê gốc Đồng Phang.

TRANG 80:

CAO	LUU.	PHI	KIM	Tam đại liên giáp đại khoa
CAO	KỶ	CHẤN.	CHƯƠNG.	
TỔ	NGÃ	TƯỜNG	Nhị cư Đoan Quỹ	BÌNH
KHẢO		TỰ	TÔNG	CHƯƠNG
PHAN		KIỂM	TU	TÔNG
QUÝ		THU	TRÂM	CHỨC,
CÔNG		HIỂN	HỐT	LŨY
TỰ		TÍCH,	TƯỜNG	TRIỀU
PHÚC		THỂ	TRUYỀN.	NHI
TOÀN		QUYỀN	GIA	SUNG
PHỦ		TRƯỜNG	THANH	BÁI
QUÂN				

DỊCH TRANG 80:

Từ khởi nghĩa Lam Sơn là khai quốc công thần (cụ Ngô Từ), đời nối đời con cháu đều được vinh danh khoa bảng, nhiều người tài giỏi ví như măng ngọc, ba đời liên tiếp đều có người đỗ Đại khoa (thi đỗ các kỳ thi lớn như thi Hội, thi Đình), giữ chức Bình chương, trải qua các triều đều được nhận nhiều ân huệ vinh hiển, từ đó truyền đời làm quan, rạng danh dòng họ, nhớ đến những dấu tích vẻ vang được lưu truyền dài lâu.

Đến tổ tiên ta Phan Quý công tự Phúc Toàn phủ quân

GHI CHÚ:

***Bình chương:** tức Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự (hay Bình chương phụ quốc), là chức Tể tướng/ tướng quốc nhà Lê

***Trâm:** trâm cài đầu. **Hốt:** cái thẻ ngà quan hay cầm để tâu dâng sớ lên nhà vua/thoi vàng

TRANG 81:

		TỈ	CAO	TỈ
NGHIỆP,	TIỀN	TRỊNH	CAO	VŨ
ÂM	HUYỆN	QUÝ	TỔ	A
TÍCH	LAI	THỊ	KHẢO	NƯỞNG
THIỆN	CƯ,	HÀNH	PHAN	HIỆU
TÂM,	TỔNG	NHỊ	QUÝ	TỪ
NGHĨA	SƠN	HIỆU	CÔNG	TÍN
CHỈ	LẠC	TỪ	TỰ	NHỤ
NHÂN	THẮT,	TRANG	PHÚC	NHÂN
CƠ,	KHẮC	NHỤ	CHIẾU	
DỰ	CẦN	NHÂN.	PHỦ	
YẾN	SINH		QUÂN	

DỊCH TRANG 81:

Vợ Phúc Toàn phủ quân là bà họ Vũ, hiệu Từ Tín nhụ nhân.

Cao cao tổ khảo Phan Quý công tự Phúc Chiếu phủ quân, vợ là bà họ Trịnh, hiệu là Từ Trang nhụ nhân.

Sau chuyển đến ở Tiên huyện, sống yên vui ở Tổng Sơn, chăm chỉ làm ăn, lo việc tích đức âm phần, làm nền móng cho con cháu các đời sau được sung túc, điều này được truyền từ đời này sang đời khác

GHI CHÚ:

***Nhụ nhân:** vợ con quan đại phu. Từ đời nhà Tống (Trung Quốc) về sau đều dùng từ “nhụ nhân” làm tên hiệu phong các vợ quan.

***Tiên huyện, Tổng Sơn:** người dịch nghĩ rằng, đây là các địa danh chỉ các thôn Tống Văn, Tiên Sơn, làng Tống Văn, Xã Vũ Chính. Trước thuộc huyện Vũ Tiên, từ năm 1969 là thuộc huyện Vũ Thư, nay là thành phố Thái Bình.

>>> (Chú hời các cụ giúp cháu về địa danh này, cháu chỉ khảo cứu theo logic suy luận, chứ bản dịch thì hơi khó hiểu ạ)

TRANG 82:

TỈ		CAO	TIÊN	TỬ
VŨ	CÔNG	TỔ	XƯƠNG	DI
A	TỰ	KHẢO	HẬU	TÔN
NƯỞNG	PHÚC	TRẦN*	CHI	CHI
HIỆU	THỌ	TRIỀU	CÔNG,	THUẬT,
TỪ	PHỦ	QUỐC	KỶ	THƯ
AN	QUÂN.	TỬ	NGÃ	ĐIỀN
NHỤ		GIÁM		LỄ
NHÂN.		GIÁM		PHỐ,
		SINH		HỮU
		PHAN		KHAI
		QUÝ		

DỊCH TRANG 82:

Điều này được truyền từ đời ông cha qua đời con cháu, đọc sách cấy cày và tế cúng, thờ phụng tổ tiên, có công khai khẩn vùng đất Kiến Xương, Vũ Tiên* trước đây.

Đến đời Cao tổ khảo (ông tổ): Phan Quý công tự Phúc Thọ phủ quân là giám sinh trường Quốc tử giám
Vợ Phúc Thọ phủ quân là bà họ Vũ, hiệu là Từ An nhụ nhân

GHI CHÚ:

***Giám sinh:** học trò học ở Quốc Tử Giám

TRANG 83:

TÌ	TRẦN			
NGUYỄN	TRIỀU	HƯƠNG,	NẬU,	ĐẠI
QUÝ	HƯƠNG	THIÊN	ỨC	KHỞI
THỊ	THÍ	CÔ	NIÊN	NHO
HÀNH	HIỆU*	CHI	CHI	PHONG,
TAM	SINH	VĂN	MỆNH	ĐÀM
HIỆU	PHAN	THANH	MẠCH	THI
VIẾT	QUÝ	PHI	TRIỆU	HUỆ
TỪ	CÔNG	CHẤN,	BÔI,	TRẠCH,
NHÂN	TỰ	KỶ	BÚT	NHÂN
NHỤ	PHÚ	NGÃ	TRẠCH	CANH
NHÂN	CƯỜNG		THƯ	NGHĨA

DỊCH TRANG 83:

Đến đời Cao tổ khảo Phan Quý công tự Phúc Thọ phủ quân là giám sinh trường Quốc tử giám đã bắt đầu phong thái nhà nho, được ơn lây từ phúc tổ tiên, làm việc nhân nghĩa, bồi đắp cho âm mạch hàng vạn năm, tiếp nối dòng dõi dòng họ thư hương, có truyền thống học vấn nổi tiếng.

Đến đời Phan Quý công tự Phú Cường phủ quân là Hiệu sinh thi Hương (có thể là Công sinh). Vợ Phú Cường phủ quân là bà họ Nguyễn, hiệu là Từ Nhân nhụ nhân

GHI CHÚ:

***Đàm:** vua chúa phong tặng cho tổ tiên các quan trong những dịp có lễ mừng thời xưa

***Hiệu sinh:** có thể ở đây là **Công sinh**, chỉ học sinh giỏi ở phủ, châu, huyện được tuyển cho lên kinh đô vào trường Thái học

TRANG 84:

		TỈ		TIỀN
Ư	HỌC	NGUYỄN	KHOAN	LÊ
TIỀN	KỶ	QUÝ	PHỦ	QUỐC
ÂM,	GIA	THỊ	QUÂN	TỬ
TRUYỀN	BẢO,	HÀNH		GIÁM
TRÂM	THƯ	NHỊ		GIÁM
HỐT	THỊ	HIỆU		SINH
Ư	LƯƠNG	VIẾT		PHAN
HẬU	ĐIỀN,	TỪ		QUÝ
NHÂN	THIỆU	AN		CÔNG
HOÀNG	KY	NHỤ		TỰ
CÁC	CẦU	NHÂN		KHẮC

DỊCH TRANG 84:

Phan Quý công tự Khắc Khoan phủ quân (cụ Phan Khắc Khoan) là Giám sinh Quốc tử giám, vợ là bà họ Nguyễn, hiệu là Từ An nhụ nhân.

Cụ Phan Khắc Khoan học theo cách tổ tiên truyền dạy, đèn sách ở nơi đất lành, nổi được nghiệp của ông cha, truyền nghiệp quan cho đời sau.

TRANG 85:

	TỈ	TIỀN		
ANH	PHẠM	LÊ	NÊ	VĂN
MẠI	A	PHỐ	BAO	CHƯƠNG,
CÁI	NƯỞNG	HIỆU	TẶNG,	PHỐ
THỂ,	HIỆU	ÚY	TRIÊM	VỰC
Ư	TỪ	PHAN	CÀN	PHÁC
LỮ	TÍN	NHỊ	NHÂN	TINH
LỰC	PHU	LANG	GIẢI	NGA
QUÁ	NHÂN	TỰ	VỮ	CHI
NHÂN.		CƯƠNG	CHI	GIÁO
THÍ		DỪNG,	ÂN	TRẠCH,
TRUNG			BA,	TỬ
			NGÃ	

DỊCH TRANG 85:**GHI CHÚ:**

TRIÊM...CHI ÂN: được ơn...

ANH MẠI CÁI THỂ: chỉ người tài giỏi hơn người

Lữ lực: xương sống, ý chỉ trụ cột cho cả cơ thể, nên lữ lực còn có nghĩa là sức vóc

TRANG 86:

TỈ		TẶNG	CHỨC,	VỖ
HOÀNG	CÔNG	TỔ	VĨNH	KHOA.
QUÝ	TỰ	KHẢO	TRUYỀN	LỊCH
THỊ	CHÍNH	LÊ	CUNG	THẮNG
HIỆU	ĐỨC	TRIỀU	KIỂM	HIỀN
TỪ	THỤY	CAI	CHI	QUAN,
ĐỨC	VIẾT	HUYỆN	DANH,	KHẮC
CUNG	VẠN	PHÚ	NGÃ	CỬ
NHÂN	ĐỨC	VINH		CÁN
	PHỦ	HẦU		THÀNH
	QUÂN.	PHAN		CHI
		QUÝ		

DỊCH TRANG 86:

GHI CHÚ:

Cán thành/ can thành: *người bày tôi giữ gìn xã tắc*

Cung nhân: *chỉ hiệu phong cho vợ quan tứ phẩm, ý chỉ người phụ nữ khoan nhu, hiền lành, có đức hạnh.*
